|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 1:** | **THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG**  **(Thơ) 13 tiết** |

**I/ MỤC TIÊU**

**1/ Năng lực:**

- **HS biết cách đọc hiểu** một bài thơ:

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

+ Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

- **HS biết cách vận dụng** các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt:

+ Nhận biết được biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

+ Sử dụng được những đơn vị từ vựng này trong giao tiếp.

- **HS thực hành viết:**

**+** Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ.

+ Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

- **HS biết thảo luận** về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2/ Phẩm chất:

- Thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng ảnh, tranh, cảnh phim .

+ Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

- Giấy A0, bút, bảng,...

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**(**Hà Lý gv THCS Nguyễn Hữu Thọ, TT , Sơn Hòa, Phú Yên. 0986641006

**A. ĐỌC**

**Tiết: 1,2 Văn bản 1: QUÊ HƯƠNG** (Tế Hanh)

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**  GV cho HS nghe bài hát *Quê tôi* (Sáng tác: Anh Minh, ca sĩ: Thuỳ Chi): <https://www.youtube.com/watch?v=tCx-dFk2LL4>  GV đặt câu hỏi: Nêu cảm xúc của em sau khi nghe bài hát *Quê tôi.* Hình ảnh sâu đậm nhất về quê hương trong em là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học.  **🡺GV dẫn vào bài:**  *Quê hương là gì hở mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều*  *Quê hương với mỗi người thật giản dị, thân thương. Yêu quê là yêu con đường đến trường, yêu những mái nhà tranh, yêu cánh đồng lúa chín…Nhà văn Ê-ren-bua đã từng nói: “Suối chảy vào sông, sông chảy ra biển, tình yêu tổ quốc bắt nguồn từ lòng yêu những thứ thân thuộc quanh mình”. Tình yêu đất nước bao giờ cũng bắt nguồn từ tình yêu chân thành, giản dị như thế. Chủ điểm “Thương nhớ quê hương” của bài học 1 sẽ bồi đắp thêm cho chúng ta tình cảm yêu thương bình dị và thiêng liêng ấy. Văn bản “Quê hương” của Tế Hanh sẽ là những giai điệu mở đầu cho những bản tình ca về quê hương được giới thiệu trong chủ điểm đặc sắc này.* | - Cảm xúc của HS: |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Dựa trên việc HS đã đọc mục **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK, hoàn thành PHT 01 tại nhà, GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành các yêu cầu:  **BT1: Bài tập điền khuyết:**  -(1)…là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập của văn học.  (2)…là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố (bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp,…) nhằm tạo nên tính chỉnh thể của tác phầm.  (3)…có đặc điểm là hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh, điệp, đối.  (4) Văn bản văn học có thể tồn tại dưới dạng (a)…hoặc dưới dạng (b)…với quy mô có thể chỉ là một câu, vài dòng đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang.  (5)...là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **BT2:** Lựa chọn đáp án đúng: Có thể chọn nhiều đáp án: Kết cấu của tác phẩm biểu hiện ở các phương diện nào:  (1) Sự chọn lựa thể thơ  (2) Sự tuân thủ các quy định về luật, niêm, đối, vần, nhịp của thể thơ  (3) Sự lựa chọn đề tài, cảm hứng của tác giả  (4) Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.  (5) Sự triển khai mạch cảm xúc  (6) Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ…  (7) Sự liên kết giữa các yếu tố thực và ảo trong thơ.  **BT3:** Sưu tầm một bài thơ, phân tích kết cấu và ngôn ngữ của bài thơ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi theo cặp thực hiện BT1 Và BT2, BT3 tại lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - BT1, BT2: Gọi lần lượt các cặp đôi hoặc tổ chức thành 2 đội chơi.  - BT3: Gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi đọc bài thơ, các cặp đôi khác trả lời các câu hỏi tiếp theo liên quan đến bài thơ.  **Bước 4:** **Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Tri thức Ngữ văn**  **BT1: Điền khuyết**  (1) *Văn bản văn học* là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập của văn học.  (2) *Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học* là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố (bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp,…) nhằm tạo nên tính chỉnh thể của tác phầm.  (3) *Ngôn ngữ thơ* có đặc điểm là hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh, điệp, đối.  (4) Văn bản văn học có thể tồn tại dưới dạng (a) *truyền miệng* hoặc dưới dạng (b) *viết* với quy mô có thể chỉ là một câu, vài dòng đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang.  (5) *Kết cấu của bài thơ* là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **BT2: Lựa chọn đáp án đúng**  Kết cấu của bài thơ được biểu hiện ở mọi phương diện tổ chức của tác phẩm:   1. Sự chọn lựa thể thơ 2. Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định. 3. Sự triển khai mạch cảm xúc 4. Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ…   **BT3: Ví dụ minh hoạ**  **Xó bếp**  *Nơi ấy*  *mẹ ta nhễ nhại mồ hôi*  *đàn con lóc nhóc khóc cười*  *buổi nhá nhem len lén mò cơm nguội*  *bảy sắc cầu vồng trong xó xỉnh lọ lem*  *Nơi ấy*  *ta nướng khoai lùi sắn*  *xoa xít hít hà... thơm bùi cháy họng*  *lấm tấm đầy đầu bụi bồ hóng*  *lép bép lửa tàu cau*  *râu tôm nấu với ruột bầu*  *húp suông*  *Nơi ấy vùng ta còn đun rạ đun rơm*  *cơm nếp cứ thơm canh cua cứ ngọt*  *con cá kho dưa quả cà kho tép*  *việc vặt giúp bà ta từng quen tay*  *gạo chiêm ghế ngô gạo mùa độn khoai*  *bà dạy ta chữa khê chữa nhão*  *ngọn lửa giữ qua đêm dai trong trấu*  *âm ỉ lòng ta đến bao giờ*  *Nơi ấy*  *nhá nhem giữa quên và nhớ*  *đỉnh núi hiện lên bóng bà và mẹ*  *mây chiều hôm gánh gạo đưa ta*  *tất tưởi đường xa cầu vồng ráng đỏ*  *Mặt trận dời vào sâu*  *ngày mai ta dừng chân nơi nào*  *khoảng trống phía trước vẫn bỏ ngỏ*  *đâu biết những gì chờ ta đằng kia*  *chỉ biết đời ta khởi đầu từ nơi ấy...*  Mặt trận đường 9 - Nam Lào, 1971  (Trích *Xó bếp*, Tập thơ *Mẹ và Em*, Nguyễn Duy, NXB Thanh Hoá, 1987)  **-** Kết cấu bài thơ:  + Sự lựa chọn thể thơ: Thơ tự do.  + Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định: Các khổ thơ trong bài thơ đều xoay quanh hình ảnh *nơi ấy* (xó bếp) – nơi gợi lên cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Các khổ thơ trong bài (trừ khổ cuối) đều bắt đầu bằng cụm từ *nơi ấy,* sau đó là hàng loạt các hình ảnh về tuổi thơ, về quê hương.  + Sự triển khai mạch cảm xúc: Từ nỗi nhớ về *xó bếp*, lần lượt những kỉ niệm tuổi thơ nhọc nhằn bên mẹ, bên bà hiện về; cũng chính từ những kí ức ấy gợi tác giả nghĩ về ngày mai nơi sa trường, nhưng không hề sợ hãi mà đầy động lực từ chính *xó bếp* đơn sơ.  + Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ: vần chân (họng-hóng), nhịp điệu linh họạt qua các câu thơ, hình ảnh thơ gần gũi về quê hương, tuổi thơ, người thân, biện pháp điệp, từ láy,…=> thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình.  - Ngôn ngữ thơ: Gần gũi, bình dị với những hình ảnh gắn liền với xó bếp quê hương, kết hợp với ngôn ngữ giàu nhạc điệu, sâu lắng => tác động sâu sắc đến cảm xúc của người đọc. |

**Hoạt động 2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**:  - Bài thơ chủ yếu ngắt nhịp 3/5, hoặc 3/2/3. Đọc với giọng bồi hồi, xúc động xen lẫn tươi vui, tự hào; có lúc như là lời tâm sự, câu chuyện kể về cuộc sống làng chài, có lúc lại bộc lộ cảm xúc trực tiếp của nhân vật trữ tình với quê hương.  - Lưu ý: Cần vận dụng kĩ năng đọc tưởng tượng, suy luận trong quá trình đọc:  + Gv cho HS đọc văn bản, khi đến những khổ có gợi dẫn, HS dừng lại, ghi suy nghĩ của mình.  + Sau khi đọc xong, HS có thể nói ra một vài suy nghĩ của mình để bước đầu cảm nhận VB (GV không nhận xét đúng – sai phần cảm nhận này)  \* Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Tế Hanh (vài nét về tiểu sử, sự nghiệp văn học).  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Chiếu lên một số tác phẩm của Tế Hanh để HS quan sát.**  **A person with short dark hair  Description automatically generated**  **Tác giả Tế Hanh** | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**  - Tế Hanh (1921- 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu.  - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.  - Một số tập thơ tiêu biểu: *Hoa niên* (1944), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963),… |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy xác định xuất xứ, thể thơ, nhân vật trữ tình và bố cục của bài thơ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **3. Văn bản *Quê hương***  **a. Xuất xứ**  - In trong *Thi nhân Việt Nam 1932 – 1941,* Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, 1988).  **b. Thể thơ:** Thơ tám chữ  **c. Nhân vật trữ tình:** Tôi (Tác giả)  **d. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: 3 khổ đầu: Hình ảnh dân chài và cuộc sống làng chài.  - Phần 2: khổ cuối: Tình cảm của tác giả với làng chài quê hương |

**Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Nét độc đáo về hình thức của bài thơ - Tìm hiểu một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ**  **HĐ NHÓM: (kĩ thuật trạm)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV tổ chức cuộc thi “Khám phá nét đẹp của bài thơ Quê hương”*  - GV sắp xếp lớp học thành 4 dãy hàng dọc hoặc 4 dãy hàng ngang.  - Mỗi dạy là một đội, HS ngồi đối diện. Số lượng HS trong mỗi đội phụ thuộc vào sĩ số lớp.  + Trong mỗi dãy, chia làm 3 trạm: trạm 1; trạm 2; trạm 3  - GV nêu yêu cầu:  + Mỗi đội có 3 phiếu học tập: PHT 02, 03, 04.  + Các đội lần lượt hoàn thành từng phiếu học tập lần lượt theo từng bước tương ứng với yêu cầu của từng trạm: Trạm 1 thực hiện xong chuyển sang trạm 2, trạm 2 thực hiện xong chuyển sang trạm 3:  ++ Trạm 1: Hoàn thành PHT 02, tìm hiểu khổ thơ 1, 2.  ++ Trạm 2: Hoàn thành PHT 03, tìm hiểu khổ thơ 3.  ++ Trạm 3: Hoàn thành PHT 04, tìm hiểu khổ thơ 4 và nhận xét về mạch cảm xúc của bài thơ.  - Đội nào hoàn thành xong 3 PHT sẽ giành chiến thắng. Hoặc sau 15 phút, đội nào hoàn thành được nhiều, đúng phiếu học tập sẽ giành chiến thắng. Không được ngắt quãng các trạm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các đội thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  - Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập  -Các đội khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  **Thao tác 2: Tìm hiểu những nét đặc sắc về hình thức khác của bài thơ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HĐ theo nhóm bàn trả lời các câu hỏi sau:**  - Phân tích cách gieo vần và ngắt nhịp trong bài thơ.  - Khái quát lại những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Tìm yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài thơ. Việc kết hợp hai yếu tố này có tác dụng gì?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm vụ trong 5 phút  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm (đánh giá sản phẩm cả về mặt nội dung và hình thức).  - GV chuẩn kiến thức.  **\* Thao tác 3: Tìm hiểu cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:  - Xác định mạch cảm xúc của người viết thể hiện qua các khổ thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Nêu chủ đề của bài thơ và một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.  - Nêu thông điệp mà bài thơ muốn gửi gắm đến người đọc.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nét độc đáo về hình thức của bài thơ**  **1.1 Một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ: cách sắp xếp bố cục, cách triển khai mạch cảm xúc của bài thơ**  **a. 3 khổ đầu: Hình ảnh dân chài và cuộc sống làng chài trong bài thơ**  **\* Khổ 1**: Giới thiệu làng quê và nghề chài lưới  + Làng quê gắn liền với nghề chài lưới: *vốn làm nghề chài lưới*  + Vị trí: *Nước bao vây, gần biển.*   * Lời thơ bình dị, tạo nên tình cảm trong trẻo, thiết tha và lí giải vì sao hình ảnh làng chài lại sâu đậm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình đến thế.   **\* Khổ 2**: Cảnh dân chài trong cảnh ra khơi đánh cá.  - Không gian: Vào buổi sớm mai, khi trời trong, gió nhẹ => thời tiết tốt, thuận lợi, hứa hẹn một buổi ra khơi đầy tốt đẹp.  - Hình ảnh con người làng chài đi đánh cá: *dân trai tráng – những chàng trai trẻ, khoẻ mạnh* => hình ảnh đẹp, khoẻ khoắn về những con người lao động.  - Hình ảnh con thuyền;  + So sánh: *chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã,* kết hợp các động từ mạnh băng, phăng, mạnh mẽ => Con “tuấn mã” - ngựa đẹp, khoẻ  và phi thường => Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn.  + So sánh, ẩn dụ: *cánh buồm giương to như*  bến:  + Không khí: *ồn ào, tấp nập* đón ghe về.  + Dân chài lưới nói lời cảm tạ chân thành với trời đất.  + Hình ảnh: *cá đầy ghe, những con cá tươi ngon thân bạc trắng ­*=> kết quả bội thu của chuyến đánh cá.  => Bức tranh sinh hoạt náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.  - Hình ảnh ngư dân:  *+ làn da ngăm rám nắng* -> người làng chài quanh năm vất vả, vật lộn đầu sóng ngọn gió ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, dầm mưa dãi nắng nên mới tạo ta cái *rám nắng ->* dáng hình khoẻ khoắn, vạm vỡ như vậy, đồng thơi đây cũng là nét riêng, trở thành cái “chất” của người miền biển.  + *cả thân hình nồng thở vị xa xăm:* Hình ảnh nhân hoá + ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “*thân hình nồng thở” –* gợi cho người đọc cảm giác như một thân hình đang phập phồng hơi thở, chân thực đến lạ kì; “*vị xa xăm”* - ẩn dụ chuyển đổi cảm giác từ thị giác sang vị giác => Ta tưởng như dáng hình ấy nồng lên mùi biển, mằn mặn hương vị của chất muối biển. Trong từ “*nồng thở”* còn như ẩn chứa một sức mạnh dồi dào, bền bỉ đã đượctôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ lâu trong tâm hồn, làn da, đôi mắt, nụ cười…đều sáng bừng sự sống.  => Hình ảnh người dân chài mang vẻ đẹp và sức sống nồng nhiệt của biển cả, vừa chân thực vừa lãng mạn.  - Hình ảnh chiếc thuyền:  *+ im bến mỏi trở về nằm:* nghệ thuật nhân hoá con thuyền như một cơ thể sống, như một phần sự sống lao động ở làng chài - sau khi đánh cá trở về, cũng nằm nghỉ ngơi để chờ những chuyến ra khơi mới.  + *nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ:* nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – chiếc thuyền nằm im nghỉ ngơi và lắng nghe chất muối của biển thấm đẫm vào từng thớ vỏ của mình => Cũng như người dân chài “nồng thở vị xa xăm”, chiếc thuyền mang đậm “hương vị của biển cả”, gắn bó mật thiết với con người và cuộc sống nơi đây.  => Nhân vật trữ tình có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, lắng nghe được sự sống âm thầm của các sự vật quê hương; là người có tấm lòng sâu nặng với con người, cuộc sống dân chài ở quê hương.  **b. Khổ cuối: Tình cảm của tác giả với làng chài quê hương**  - Hoàn cảnh của tác giả: xa cách -> nhớ quê hương *luôn tưởng nhớ.*  - Các hình ảnh trong hoài niệm của nhà thơ: *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi* => những hình ảnh đặc trưng của quê hương “*nước bao vây, cách biển nửa ngày sông*”, gắn liền với kí ức sâu đậm của nhà thơ.  - Đặc biệt, câu cảm thán cuối bài: *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!* => “: *Mùi nồng mặn”-* đó là hương vị làng chài – mùi vị mặn mòi của muối biển, mùi tanh rong rêu, mùi tanh của cá và mùi vị mặn mòi của những giọt mồ hôi người lao động – hương vị riêng đầy quyến rũ được tác giả cảm nhận bằng tình yêu của người con xa quê => Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn, mang hơi thở nồng ấm của sự sống, một tình yêu gắn bó, thuỷ chung của tác giả đối với quê hương.  *=>* Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị, tự nhiên như thốt ra từ trái tim  **1.2 Những nét đặc sắc về hình thức khác của bài thơ**  - Vần, nhịp:  + Vần liền: sông – hồng; cá – mã; giang – làng; trắng – nắng; xăm – nằm.  + Nhịp: chủ yếu nhịp 3/5 hoặc nhịp 3/2/3  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc, ấn tượng: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ,…  - Sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài thơ.  + Yếu tố biểu cảm: có thể thể hiện trực tiếp *lòng tôi luôn tưởng nhớ, tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*; có thể bộc lộ gián tiếp qua các hình ảnh về quê hương thân thuộc, gần gũi, bình dị.  + Yếu tố miêu tả: miêu tả thời tiết khi đoàn thuyền ra khơi *trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*; miêu tả hình ảnh con thuyền *chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã/phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang; cánh buồm giương to như mảnh hồn làng, rướn thân trắng bao la thâu góp gió;* miêu tả hình ảnh cá *con cá tươi ngon thân bạc trắng*; hình ảnh ngư dân *làn da ngăm rám nắng…*=> làm cho hình ảnh quê hương hiện lên tươi đẹp, sinh động, giàu sức sống, có giá trị gợi cảm cao.  **2. Cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **\*Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng yêu quý, gắn bó, thương nhớ quê hương làng chài trong tâm tưởng.  \* **Chủ đề:** Bài thơ thể hiện lòng yêu mến, tình thương nhớ quê hương của người con đang xa cách quê hương.  - Căn cứ xác định chủ đề:  + Nhan đề: quê hương – bao trùm nội dung toàn bài.  + Hình ảnh chân thực gần gũi, bình dị, đặc trưng về quê hương và cuộc sống làng chài.  + Sử dụng rất thành công biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, so sánh.  + Giọng thơ có lúc vui tươi, tự hào, có lúc tha thiết, dạt dào xúc cảm.  **\*Thông điệp:** Hãy luôn nhớ về quê hương – nơi “chôn nhau cắt rốn’, nơi nuôi dưỡng tâm hồn, nhân cách, nơi để ta trở về sau mỗi chuyến đi xa. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động cá nhân**  + Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  + Từ đó em rút ra để đọc hiểu một văn bản thơ, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi.  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.  - Biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ, so sánh.  - Cách ngắt vần, nhịp phù hợp, độc đáo.  - Bút pháp lãng mạn, thể thơ 8 chữ.  **2. Nội dung**  - Bài thơ là bức tranh tươi sáng về một làng quê miền biển với hình ảnh khoẻ khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động làng chài. Từ đó, thể hiện nỗi nhớ da diết, sự gắn bó thuỷ chung và tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả.  **3. Cách đọc hiểu một bài thơ**  - Tìm và phân tích nét độc đáo về hình thức của bài thơ (kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ)  - Phân tích tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Xác định và phân tích chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \***Nhiệm vụ** : **Viết đoạn văn (Kĩ thuật viết tích cực)**  **Bước 1. GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân**:  Ấn tượng sâu đậm nhất mà bài thơ để lại trong em là gì? Viết đoạn văn 5 – 7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về điều ấn tượng đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, viết đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn văn.  **-** HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**   * Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics. | Hs hoàn thành |

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu nội dung chính của đoạn văn: ấn tượng sâu đậm nhất mà bài thơ để lại. | **0,5** |
| - Ấn tượng sâu đậm nhất của em trong bài thơ là gì? Tại sao em lại ấn tượng sâu đậm nhất với điều đó?  - Ví dụ: ấn tượng sâu đậm nhất của em về bài thơ là hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về. Cảnh tượng đó để lại trong em rất nhiều cảm xúc:  + Không khí *tấp nập, ồn ào* trên bếnvới hình ảnh *cá đầy ghe* => mùa bội thu, chúng ta hoà chung vào niềm vui của người dân chài.  + Hình ảnh người dân chài với những nét đặc trưng riêng của người miền biển “làn da ngăm rám nắng” và cả thân hình “nồng thở vị xa xăm” – dấu ấn sâu đậm không thể nào quên.  + Hình ảnh chiếc thuyền “nằm nghỉ ngơi” trên bãi vắng sau nhứng ngày đánh cá mệt mỏi => linh hồn của làng chài, mang sức sống, mang tâm tư của con người làng chài.   * Những kí ức không thể phai nhoà trong tâm hồn người xa quê. | **4** |
| - Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về được thể hiện qua một số hình thức nghệ thuật đặc sắc: vần, nhịp, một số biện pháp tu từ (nhân hoá, ẩn dụ). | **2** |
| - Bài học nhận thức và hành động: Trân trọng, thương nhớ quê hương. | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GIÁO DỤC AN NINH QUỐC PHÒNG Nhiệm vụ 1: Nêu cảm nhận qua các hình ảnh. Từ đó xác định trách nhiệm của bản thân**  Thư gửi các chiến sĩ làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo quê hươngTình yêu biển, đảo và bộ đội Hải quân lớn dần theo năm tháng ...  Chắc tay súng canh giữ biển đảo  **Bước 1. GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân**:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, trình bày  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 1 - 2 HS.  **-** HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**   * Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.   **Nhiệm vụ 2: Cuộc thi giới thiệu về quê hương qua chủ đề “Quê hương trong trái tim tôi”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Lớp chia thành 4 nhóm: GV cho HS bốc ngẫu nhiên để chọn nhiệm vụ mà nhóm mình cần thực hiện. Có thể đề ra những nhiệm vụ sau:  + Vẽ 1 bức tranh với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”. Thuyết trình về bức tranh đó.  + Thiết kế video clip với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”  - Sau khi bốc thăm, chọn nhiệm vụ của nhóm mình, các nhóm phân công, thực hiện nhiệm vụ và nộp sản phẩm học tập sau 2 tuần.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  - Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.** | Hs hoàn thành |

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu chủ đề đoạn văn: Cảm nhận về quê hương em | **0,5** |
| - Tình cảm, cảm xúc của em về quê hương.  - Những từ ngữ, hình ảnh gắn liền với quê hương em  - Những kỉ niệm gắn liền với quê hương của em  - Ấn tượng sâu đậm quê hương trong em | **5** |
| - Bài học nhận thức và hành động: Trân trọng, thương nhớ quê hương | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhóm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| -Vẽ tranh với chủ đề “Quê hương trong tôi là…”  **(5 điểm)**  - Thuyết trình về bức tranh  **(5 điểm)** | - Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  **(1 - 2,5 điểm)**  - Thuyết trình chưa tự tin, chưa lột tả được hết vẻ đẹp của quê hương thể hiện qua bức tranh.  **(1 - 2,5 điểm)** | - Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  **(2 - 3,5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, về cơ bản thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh nhưng chưa thật ấn tượng, chưa có điểm nhấn  **(2 – 3,5 điểm)** | -Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  **(4 - 5 điểm)**  - Thuyết trình tự tin, thể hiện được những cảnh vẽ trong bức tranh về quê hương thật ấn tượng, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người người nghe.  **(4 - 5 điểm)** |
| Thiết kế video clip với chủ đề “Quê hương trong tôi là…” **(10 điểm)** | Video clip đúng chủ đề, giới thiệu về quê hương nhưng mang nội dung sơ sài, âm thanh hoặc hình ảnh chưa thật phù hợp với nội dung  **(5 – 6 điểm)** | Video clip đúng chủ đề, âm thanh, hình ảnh phù hợp, nội dung tương đối đảm bảo yêu cầu, tuy nhiên chưa có điểm nhấn thật ấn tượng, đặc sắc.  **(7 – 8 điểm)** | Video clip đúng chủ đề; âm thanh, hình ảnh sắc nét; nội dung phù hợp, có nhiều điểm nhấn ấn tượng, tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem.  **(9 - 10 điểm)** |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01 : Tìm hiểu thể loại phần tri thức Ngữ văn** |
| |  |  | | --- | --- | | **Kiến thức Ngữ văn** | **Câu hỏi của em/ Điều em chưa hiều** | | Văn bản văn học | ………………………………………… | | Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học | ………………………………………… | | Kết cấu của bài thơ | ………………………………………… | | Ngôn ngữ thơ | ………………………………………… | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02: Khám phá nét đẹp khổ thơ 1, 2:**  **Giới thiệu làng chài và cảnh dân chài ra khơi đánh cá**  Đọc lại khổ 1, 2 và trả lời những câu hỏi sau:  1. Trong khổ 1 tác giả đã giới thiệu về làng quê và nghề chài lười của quê hương như thế nào? Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả?  2. Đọc khổ 2 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 2: Cảnh dân chài ra khơi đánh cá** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Không gian |  |  | | Hình ảnh dân chài |  |  | | Hình ảnh chiếc thuyền: |  |  | | => Nhận xét về bức tranh thiên nhiên và cuộc sống lao động của con người trong khổ 2: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Khám phá nét đẹp khổ thơ 3**  **Cảnh dân chài đánh cá trở về**  Đọc lại khổ 3 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 3: Cảnh dân chài đánh cá trở về** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Khung cảnh đoàn thuyền trở về |  |  | | Hình ảnh dân chài | ` |  | | Hình ảnh chiếc thuyền |  |  | | => Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04: Khám phá tình cảm, cảm xúc của tác giả về quê hương trong khổ cuối**  Đọc lại khổ 4 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 4: Tình cảm, cảm xúc của tác giả với quê hương** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Hoàn cảnh |  |  | | Những hình ảnh về quê hương | ` |  | | Cách hiểu của em về cụm từ “mùi nồng mặn” |  |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả: | | | |

**VĂN BẢN 2: Tiết 3,4 BẾP LỬA**

* **BẰNG VIỆT -**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **PP vấn đáp**  *1. Em hãy chia sẻ về một kỉ niệm với người ông/ người bà thân thương của em.*  *2. Hoặc em hãy đọc thuộc một bài thơ nói về tình cảm của người cháu đối với ông bà mà em biết. Nêu cảm nhận của em về bài thơ đó.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **=> GV dẫn vào bài mới**:  *Trong kí ức tuổi thơ của mỗi người, tình cảm gia đình luôn thật thiêng liêng và vô cùng cao đẹp. Đó chính là cội nguồn hình thành nên nhân cách mỗi người; cũng chính là suối nguồn yêu thương tiếp thêm sức mạnh cho mỗi người trên mỗi chặng đường đời. “Bếp lửa” là một bài thơ hay viết về đề tài tình cảm gia đình mà nhà thơ Bằng Việt gửi đến cho người đọc với bao cảm xúc và suy ngẫm.* | 1. HS chia sẻ về kỉ niệm với người ông/ người bà của mình.  2. Một số bài thơ/ bài hát nói về tình cảm của người cháu đối với ông bà:  - Bài thơ “Đò Lèn” (Nguyễn Duy)  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) |

|  |  |
| --- | --- |
| **“Đò Lèn” (Nguyễn Duy)**  *Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá níu váy bà đi chợ Bình Lâm bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần  Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng  Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế bà mò cua xúc tép ở đồng Quan bà đi gánh chè xanh Ba Trại Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn  Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực giữa bà tôi và tiên phật, thánh thần cái năm đói củ dong riềng luộc sượng cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm  Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn  Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi khi tôi biết thương bà thì đã muộn bà chỉ còn là một nấm cỏ thôi!* | **“Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh)**  *Trên đường hành quân xa Dừng chân bên xóm nhỏ Tiếng gà ai nhảy ổ: “Cục... cục tác cục ta” Nghe xao động nắng trưa Nghe bàn chân đỡ mỏi Nghe gọi về tuổi thơ […] Cứ hàng năm hàng năm Khi gió mùa đông tới Bà lo đàn gà toi Mong trời đừng sương muối Để cuối năm bán gà Cháu được quần áo mới Ôi cái quần chéo go Ống rộng dài quét đất Cái áo cánh chúc bâu Đi qua nghe sột soạt  Tiếng gà trưa Mang bao nhiêu hạnh phúc Đêm cháu về nằm mơ Giấc ngủ hồng sắc trứng  Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc Vì xóm làng thân thuộc Bà ơi, cũng vì bà Vì tiếng gà cục tác Ổ trứng hồng tuổi thơ.* |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Giọng nhẹ nhàng, tình cảm, chậm rãi và lắng đọng. Nhịp thơ 3/5 hoặc 4/4  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó: *Tu hú,* *đinh ninh, chiến khu,* …  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Đọc – khám phá chung** | | **1. Nêu một số hiểu biết về nhà thơ Bằng Việt.** | | **2. Tìm hiểu chung về bài thơ *Bếp lửa***:  a. Nêu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của văn bản**.**  b. Xác định thể thơ của văn bản.  c. Bài thơ là lời của nhân vật nào, thể hiện cảm xúc về ai? Cảm xúc đó được gợi lên từ điều gì?  d. Bố cục của văn bản |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  **\*GV chiếu hình ảnh nhà thơ Bằng Việt và 1 số tác phẩm của nhà thơ Bằng Việt để HS quan sát.**  **A person in a suit and tie  Description automatically generated**  **Nhà thơ Bằng Việt** | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2.** **Tác giả** **-** Sinh năm 1941, quê ở Hà Nội.  - Thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.  - Thơ ông trong trẻo, mượt mà, xúc cảm tinh tế, giàu suy tư.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Hương cây - bếp lửa* (1968); *Những gương mặt, những khoảng trời* (1973); *Đất sau mưa* (1977); *Bếp lửa – khoảng trời* (1986),…  **3. Bài thơ *Bếp lửa***  **a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác**: Viết năm 1963 khi tác giả đang du học ở Liên Xô, in trong tập “*Hương cây- Bếp lửa*”(1968).  **b. Thể thơ**: Tự do  **c. Nhân vật trữ tình:** người cháu.  Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ vể những kỉ niệm tuổi thơ với người bà. Cảm xúc đó được gợi lên từ hình ảnh bếp lửa ấm áp, thân thương  **d. Bố cục: 03 phần**  - ***Phần 1*** (khổ 1): Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc và hồi ức của người cháu.  - ***Phần 2*** (khổ 2,3,4,5): Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa.  - ***Phần 3*** (khổ 6): Suy ngẫm vể cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.  - ***Phần 4*** (khổ cuối): Người cháu đã trưởng thành và đi xa nhưng vẫn luôn nhớ vể bà. |

**Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02: Tìm hiểu khổ 1: Đánh thức kỉ niệm**  **Đọc lại khổ thơ 1 và hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 1: Khơi nguồn kỉ niệm** | | | | Hình ảnh được nhắc đến | Nghệ thuật | Ý nghĩa | |  |  |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Về miền kí ức**  **Tìm hiểu khổ 2: Miền kí ức tuổi ấu thơ (4 tuổi)**  Đọc lại khổ 2 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 2: Miền kí ức tuổi ấu thơ (4 tuổi)** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Hoàn cảnh |  |  | | Những hình ảnh về bếp lửa | ` |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04: Về miền kí ức (tiếp theo)**  **Tìm hiểu khổ 3: Kí ức về tám năm ròng cùng bà**  Đọc lại khổ 3 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 3: Hồi tưởng về tám năm ròng cùng bà** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Hình ảnh người bà |  |  | | Hình ảnh tiếng chim tu hú | ` |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05: Về miền kí ức (tiếp theo)**  **Tìm hiểu khổ 4, 5: Kí ức về những năm tháng kháng chiến, giặc càn quét xóm làng và hình ảnh bếp lửa, người bà trong hành trình trưởng thành của cháu**  Đọc lại khổ 4, 5 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tìm hiểu khổ 4, 5 | | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Khổ 4 | Hoàn cảnh |  |  | | Lời dặn của bà | ` |  | | Khổ 5 | Sự chuyển đổi hình tượng |  |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06:**  **Tìm hiểu khổ 6: Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa**  Đọc lại khổ 6 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 6: Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Suy ngẫm về bà |  |  | | Suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa | ` |  | | => Nhận xét về tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình về hình ảnh bếp lửa: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 07:**  **Tìm hiểu khổ 7: Người cháu trưởng thành và đi xa nhưng vẫn không nguôi nhớ bà và bếp lửa**  Đọc lại khổ 7 và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 7: Người cháu trưởng thành và đi xa nhưng vẫn không nguôi nhớ bà và bếp lửa** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Cuộc sống hiện tại của người cháu |  |  | | Tình cảm của người cháu | ` |  | | => Nhận xét về tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Nét độc đáo về hình thức của bài thơ - Tìm hiểu một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ**  **(khổ 1, 2, 3, 4, 5)**  **HĐ NHÓM: (kĩ thuật trạm)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV tổ chức cuộc thi “Về miền kí ức”*  - GV sắp xếp lớp học thành 4 dãy hàng dọc hoặc 4 dãy hàng ngang.  - Mỗi dạy là một đội, HS ngồi đối diện. Số lượng HS trong mỗi đội phụ thuộc vào sĩ số lớp.  + Trong mỗi dãy, chia làm 1 trạm: trạm 1; trạm 2; trạm 3; trạm 4  - GV nêu yêu cầu:  + Mỗi đội có 4 phiếu học tập: PHT 02, 03, 04, 05  + Các đội lần lượt hoàn thành từng phiếu học tập lần lượt theo từng bước tương ứng với yêu cầu của từng trạm: Trạm 1 thực hiện xong chuyển sang trạm 2, trạm 2 thực hiện xong chuyển sang trạm 3, trạm 3 thực hiện xong chuyển sang trạm 4.  ++ Trạm 1: Hoàn thành PHT 02 (Khơi nguồn kí ức), tìm hiểu khổ thơ 1.  ++ Trạm 2: Hoàn thành PHT 03 (Về miền kí ức), tìm hiểu khổ thơ 2.  ++ Trạm 3: Hoàn thành PHT 04 (Về miền kí – tiếp theo), tìm hiểu khổ thơ 3.  ++ Trạm 4: Hoàn thành PHT 05 (Về miền kí ức – tiếp theo), tìm hiểu khổ thơ 4, 5  - Đội nào hoàn thành xong 4 PHT sẽ giành chiến thắng. Hoặc sau 15 phút, đội nào hoàn thành được nhiều, đúng phiếu học tập sẽ giành chiến thắng. Không được ngắt quãng các trạm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các đội thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  - Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập  - Các đội khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS HĐ theo nhóm bàn hoàn thành PHT 06, 07 và nhận xét mạch cảm xúc của bài thơ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo bàn, hoàn thành PHT 06, 07 và nhận xét về mạch cảm xúc của bài thơ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  GV mời đại diện một số bàn báo cáo kết quả thảo luận.  Các nhóm bàn khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HĐ theo nhóm bàn trả lời các câu hỏi sau:**  - Phân tích cách gieo vần và ngắt nhịp trong bài thơ.  - Khái quát lại những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Tìm yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm trong bài thơ. Việc kết hợp các yếu tố này có tác dụng gì?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm vụ trong 5 phút  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm (đánh giá sản phẩm cả về mặt nội dung và hình thức).  - GV chuẩn kiến thức.  **\* Thao tác 3: Tìm hiểu cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:  - Xác định mạch cảm xúc của người viết thể hiện qua các khổ thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Nêu chủ đề của bài thơ và một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.  - Nêu thông điệp mà bài thơ muốn gửi gắm đến người đọc.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi  Cặp đôi khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nét độc đáo về hình thức của bài thơ**  **1.1 Một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ: cách sắp xếp bố cục, cách triển khai mạch cảm xúc của bài thơ**  **a. Khổ đầu: Khơi nguồn kỉ niệm**  *Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*  *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*  *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*  - Điệp ngữ: “*một bếp lửa”-* Bếp lửa là hình ảnh quen thuộc, gần gũi với nếp sinh hoạt từ bao đời nay ở làng quê Việt Nam => Đây vừa là hình ảnh thực vừa là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. Bếp lửa ấy khơi nguồn nhớ thương của đứa cháu đối với bà.  *=> “một bếp lửa”* được lặp lại hai lầndiễn đạt một kỉ niệm rất riêng tư, không mờ phai trong kí ức về hơi ấm gia đình.  - Từ láy *“chờn vờn”* – từ láy tượng hình vừa giúp ta hình dung làn sương sớm bay nhè nhẹ toả quanh bếp lửa chờn vờn, lập loè trong làn sương sớm vừa gợi được cái mờ nhoà của hình ảnh kí ức theo thời gian.  - Từ láy *“ấp iu” –* gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chăm chút của người nhóm lửa.  - *“Nồng đượm”* gợi cảm giác thân quen, ấm áp.  => Hình ảnh bếp lửa rất tự nhiên, đánh thức dòng cảm xúc hồi tưởng của cháu về bà: *cháu thương bà biết mấy nắng mưa ->* Hình ảnh bếp lửa trong kí ức đã khơi nguồn kỉ niệm, đưa cháu trở về với nỗi nhớ thương bà, gợi về kỉ niệm những năm tháng tuổi thơ bên bà.  **\* Khổ 2, 3, 4, 5: Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu**  **- Khổ 2: Tuổi ấu thơ (4 tuổi)**  + Hoàn cảnh: *năm đói mòn đói mỏi* => nạn đói năm 1945 – nạn đói kinh hoàng trong lịch sử Việt Nam -> nạn đói kéo dài, triền miên đến kiệt sức trong kí ức của nhân vật trữ tình.  ++ Các từ ngữ “*khô rạc ngựa gầy”* – từ ngữ gợi hình chỉ con người trong nạn đói, gầy đến nỗi chỉ còn da bọc xương  => Cuộc sống thiếu thốn, cơ cực.  + Tuổi ấu thơ ấy gắn liền với hình ảnh bếp lửa, mùi khói: *quen mùi khói, khói hun nhèm mắt cháu, sống mũi còn cay.*  => Cảm xúc của nhân vật trữ tình: Khói bếp nhiều làm cay mắt hay mùi khói bếp đã gợi lại một thời gian khổ khiến nhà thơ xúc động và ngấn lệ, dòng kỉ niệm xoáy sâu vào tiềm thức, lay mạnh cả thể xác con người. Cái bếp lửa của ông vừa mới khơi lên, thoang thoảng mùi khói, mờ mờ sắc khói…mà đã đầy ắp những hình ảnh hiện thực, thấm đẫm nghĩa tình sâu nặng…gợi được cảm xúc nơi người đọc, đọc thơ, người đọc cũng cảm thấy cay cay nơi đầu mũi.  => Bếp lửa, mùi khói trở thành ấn tượng không thể nào quên cùng với hình ảnh của bà.  **- Khổ 3: Tám năm ở cùng bà**  + Mở đầu là câu thơ: *Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa* => giọng thơ thủ thỉ như giọng kể trong một câu chuyện, có không gian, thời gian, có sự kiện và các nhân vật.  + Hình ảnh người bà: Hình ảnh bà hiện về trong nỗi nhớ của người cháu, luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa thân thương. Bà là người thân gắn bó suốt những năm tháng tuổi thơ gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn của cháu:  ++ Trong tám năm ròng, bà luôn ở bên cháu khi cha mẹ của cháu bận công tác không về: bà kể chuyện, dạy cháu làm, chăm cháu học -> Nghệ thuật liệt kê.  => Trong những năm tháng tuổi thơ, bà vừa là cha, là mẹ, là thầy, vừa là chỗ dựa vững chắc cả về vật chất và tinh thần, là cội nguồn yêu th­ương của cháu. Bà luôn dành cho cháu sự đùm bọc, che chở và tình yêu thương vô bờ.  + Hình ảnh tiếng chim tu hú: Tiếng chim tu hú xuất hiện trong đoạn thơ với nhiều sắc thái khác nhau: Tiếng chim tu hú lúc mơ hồ văng vẳng từ những “cánh đồng xa” lúc gần gũi nghe như “sao mà tha thiết thế”, tiếng tu hú như than thở, sẻ chia. Có lúc lại dồn dập “kêu hoài” => Điệp từ “chim tu hú” lặp lại nhiều lần gợi tiếng kêu khắc khoải => Nhà thơ chìm đắm trong suy tưởng, để trò chuyện cùng chim tu hú cùng những kỉ niệm về bà.   * Cảm xúc của nhân vật trữ tình: Nhớ thương – *nghĩ thương bà khó nhọc*, sau đó lo lắng cho bà, trách tu hú sao không đến ở, đỡ đần cho bà mà *kêu chi hoài trên những cánh đồng xa.*   **- Khổ 4: Kỉ niệm về bà trong những năm kháng chiến, giặc càn quét xóm làng**  + Hoàn cảnh: *cháy tàn cháy rụi* => Từ ngữ gợi hình, thể hiện sự khốc liệt của chiến tranh.  + Nổi bật trong hoàn cảnh đó là hình ảnh người bà vượt qua tất cả mọi gian khổ:  ++ Hàng xóm đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh.  ++ Lời dặn của bà: có viết thư cho bố đừng kể này, kể nọ; cứ bảo nhà vẫn được bình yên => cách nói của bà thể hiện bà luôn vững vàng, vượt qua sự khốc liệt của chiến tranh, làm tròn hậu phương để người ra trận yên lòng.   * Bà là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam với những phẩm chất đáng quý: tần tảo, giàu đức hi sinh, chịu thương, chịu khó.   **- Khổ 5: Hình ảnh bếp lửa, người bà gắn liền với quá trình trưởng thành của người cháu**  + Sự chuyển đổi hình tượng: bếp lửa -> “một ngọn lửa” => Từ hình ảnh bếp lửa thực được nhen lên bằng rơm, củi, ở đó còn có ngọn lửa thiêng trong lòng bà: ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin, sức sống thầm lặng mà mãnh liệt.  + Điệp ngữ “một ngọn lửa”: Nhấn mạnh tình yêu thương của bà đối với cháu. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người giữ lửa, truyền lửa – niềm tin cháu sẽ thành công trong cuộc đời  => Cảm xúc của nhân vật trữ tình: Thương yêu, trân trọng tình cảm của bà, với nhân vật “tôi” – ngọn lửa chứa *niềm tin dai dẳng của bà* luôn âm ỉ cháy trong lòng và đi theo nhân vật tôi suốt cả cuộc đời.  \* **Khổ 6:** Những suy ngẫm về bà và bếp lửa  - Suy ngẫm về cuộc đời bà: *lận đận, biết mấy nắng mưa, mấy chục năm rồi…* => thấu hiểu cuộc đời vất vả, tần tảo, hi sinh của bà.  - Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa:  + Điệp từ “nhóm” và nghệ thuật ẩn dụ chứa nhiều điều thú vị về bếp lửa:  ++ *“nhóm” bếp lửa ấp iu nồng đượm*: là nhóm ngọn lửa, ánh sáng và hơi ấm có thật, sưởi ấm cho bà và cháu.  ++ “*nhóm” niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi:* chăm sóc cháu từ củ khoai, củ sắn, ấm áp yêu thương => truyền cho cháu niềm yêu thương ruột thịt.  ++ *“nhóm” nồi xôi gạo mới, sẻ chung vui:* chia ngọt sẻ bùi với tình làng nghĩa xóm.  ++ *“nhóm” những tâm tình tuổi nhỏ:* khơi dậy trong cháu những tình cảm tốt đẹp; nhóm lên lòng tin, hoài bão của cháu về tương lai.  => Từ bếp lửa bình dị, quen thuộc, người cháu đã nhận ra bao điều kì diệu và thiêng liêng. Ngọn lửa từ bàn tay bao bọc, yêu thương của bà đã nhóm dậy cả một cuộc đời ấm no, hạnh phúc và những niềm tin, những kỉ niệm ngọt ngào tuổi thơ, nhận ra sự kì lạ và thiêng liêng từ những hình ảnh tưởng đơn thuần ấy qua câu cảm thán: *Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!*  **\* Khổ cuối:** Cháu trưởng thành và đi xa nhưng vẫn không nguôi nhớ bà và bếp lửa  - Dấu chấm ở câu thơ mở đầu, ngắt câu thơ làm hai vế -> dường như nhấn mạnh cuộc đời cháu đã bước sang một trang mới, cháu đã kết thúc tuổi ấu thơ và bước sang tuổi trưởng thành.  - Cuộc đời của người cháu có nhiều thay đổi khi đi xa: Điệp từ *“có”, “trăm”,* kết hợp với nhiều danh từ đã nói lên điều đó: *có ngọn khói trăm tàu, có lửa trăm nhà, có niềm vui trăm ngả.* => tiếp xúc với nhiều người hơn, nhiều thứ hiện đại hơn, nhiều niềm vui mới hơn.  - Tuy vậy, ngọn lửa của bà, hình ảnh bếp lửa không bao giờ phai mờ trong kí ức của nhân vật trữ tình:  + Câu hỏi tu từ: *Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ->* ở nơi xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà, nhớ về cội nguồn, nhớ về quê hương, đất nước.  => Tình cảm của cháu đối với bà là một tình cảm lớn lao, đáng trân trọng.  => Đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.  **=> Mạch cảm xúc:** - Bài thơ đư­ợc mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi nhân vật trữ tình nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà .  - Từ những kỉ niệm, đứa cháu nay đã tr­ưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà.  - Cuối cùng, ng­ười cháu đang nơi phương xa muốn gửi niềm mong nhớ tới bà.  **1.2 Những nét đặc sắc về hình thức khác của bài thơ**  - Vần, nhịp:  + Vần liền: khói – mỏi, xa – bà, thế - về, học – nhọc, rụi – lụi, bùi - vui  + Nhịp: chủ yếu nhịp 3/5 hoặc 4/4  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc, ấn tượng: điệp ngữ, điệp từ, từ láy, ẩn dụ, liệt kê,…  - Sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm với yếu tố miêu tả, tự sự trong bài thơ.  + Yếu tố biểu cảm: có thể thể hiện trực tiếp *cháu thương bà biết mấy nắng mưa, thương bà khó nhọc;* có thể bộc lộ gián tiếp qua các hình ảnh về bà, về bếp lửa, về quê hương => thể hiện tình cảm bà cháu, tình cảm với quê hương, đất nước.  + Yếu tố miêu tả: miêu tả hình ảnh bếp lửa *chờn vờn sương sớm,* miêu tả hình ảnh con người trong nạn đói *khô rạc ngựa gầy,* miêu tả xóm làng bị giặc tàn phá *cháy tàn cháy rụi* => làm nổi bật hình ảnh bếp lửa, hình ảnh con người và làng quê, từ đó nổi bật hình ảnh tần tảo của bà.  + Yếu tố tố tự sự: kể các sự kiện trong cuộc đời nhân vật tôi gắn với các mốc thời gian *lên bốn tuổi, tám năm ròng, năm giặc đốt làng, giờ cháu đã đi xa ­*=> Tái hiện cuộc đời của nhân vật tôi từ nhỏ đến lớn đều gắn liền với hình ảnh của người bà và bếp lửa => Từ đó thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình.  **2. Cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **\*Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng yêu thương, trân trọng, biết ơn đối với người bà, từ đó thể hiện tình yêu quê hương, đất nước.  \* **Chủ đề:** Qua hồi tưởng cùng suy ngẫm của người cháu khi đã trưởng thành, bài *Bếp lửa* gợi về những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời cũng thể hiện lòng kính yêu trân trọng và sự biết ơn của người cháu dành cho bà cũng như với gia đình, quê hương, đất nước  - Căn cứ xác định chủ đề:  + Nhan đề: *Bếp lửa* – hình ảnh ẩn dụ bao trùm nội dung toàn bài.  + Hình ảnh bà và bếp lửa gắn liền với tuổi ấu thơ và quá trình trưởng thành của nhân vật tôi.  + Sử dụng rất thành công biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, từ láy, ẩn dụ.  + Giọng thơ tha thiết, sâu lắng.  **\*Thông điệp:** Hãy luôn nhớ về quê hương, người thân yêu của mình bởi đó là những tình cảm thiêng liêng, không gì có thể thay thế được. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.  ? Bài thơ đã “vẽ” nên bức “chân dung cuộc sống” nào ? Điều gì trong bức chân dung ấy gây ấn tượng sâu sắc với em? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   - GV hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.  - Phối hợp nhiều phương thức biểu đạt.  - Thể thơ tám chữ phù hợp với dòng cảm xúc.  **2. Ý nghĩa văn bản**  - Bài thơ “vẽ” ra bức chân dung cuộc sống về hình ảnh người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu yêu thương; cùng những kỉ niệm tuổi thơ với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhọc nhằn của nhà thơ – nhân vật trữ tình.  - Bài thơ ca ngợi tình cảm bà cháu thắm thiết, đồng thời thể hiện lòng kính trọng, biết ơn của cháu dành cho bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỦNG CỐ**  **\*Nhiệm vụ 1: Cộng hưởng trí tuệ (05 phút)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** Ngồi đọc thầm lại những nội dung đã học, viết ra những câu hỏi mình chưa hiểu để trao đổi với các bạn trong lớp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tích cực tham gia trò chơi. * GV động viên, khích lệ.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **\*Nhiệm vụ 2: Trò chơi “Lật mảnh ghép”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bảng phụ ghi đáp án câu hỏi. * **Có 4 câu hỏi lần lượt ứng với 4 mảnh ghép.**   + Mỗi nhóm được lựa chọn 01 lần câu hỏi, cả 4 đội cùng trả lời cho mỗi câu hỏi.  + Mỗi câu hỏi sẽ có 15s suy nghĩ và đưa ra đáp án bằng bảng phụ.  + Trả lời đúng mỗi câu hỏi, mỗi mảnh ghép tương ứng của bức tranh sẽ được mở ra. Mỗi câu trả lời đúng được 5 điểm.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | **Câu 1:** “*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*”. “Năm ấy” chỉ năm nào? | 1945 (gắn với nạn đói kinh hoàng) | | **Câu 2:** Âm thanh nào được nhắc đi nhắc lại bốn lần ở trong bài thơ? | Tiếng chim tu hú | | **Câu 3:** Chỉ ra 01 từ láy được sử dụng trong bài thơ. | HS chỉ ra một trong các từ sau: *Chờn vờn, ấp iu, tha thiết, lầm lụi, đinh ninh, đỡ đần, dai dẳng, lận đận, thiêng liêng.* | | **Câu 4:** Từ “nhóm” nào sau đây được dùng theo nghĩa chuyển?     A. Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  B. Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi     C. Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa     D. Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui | Đáp án B | | **Câu tục ngữ miêu tả nội dung bức**  **tranh: *Uống nước nhớ nguồn.*** | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tích cực tham gia trò chơi. * GV động viên, khích lệ.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | * **Trả lời đúng câu tục ngữ miêu tả nội dung bức tranh sẽ được 10 điểm.**   Các Nguồn Nước Trong Tự Nhiên Có Thể Sử Dụng được |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu hỏi**: Trong khổ thơ thứ 4 của bài thơ có hai hình ảnh ngọn lửa:  “ *Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*”  Và “*Rồi sớm lại chiều lại bếp lửa bà nhen/ Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn/ Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.*  **Yêu cầu:** Nhận xét sự khác nhau giữa hai hình ảnh ngọn lửa trongkhổ thơ 4 của bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo kĩ thuật Think – pair – share.  - GV khuyến khích HS đưa ra ý kiến, quan điểm cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số HS chia sẻ quan điểm về vấn đề đưa ra.  - Các HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | * Ngọn lửa trong câu thơ “ *Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*” là ngọn lửa hủy diệt, tàn phá xóm làng của bọn thực dân Pháp. * Ngọn lửa của bà nhóm là ngọn lửa của sự sống, niềm yêu thương, niềm tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Nhiệm vụ : Nhiệm vụ về nhà**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm**  **HS chọn 01 trong 02 nhiệm vụ sau:**  1. Viết đoạn văn (khoảng 10 câu) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của tình cảm gia đình đối với mỗi người.  2. Vẽ tranh minh họa cho bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | HS lựa chọn hoàn thành. |

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: Tiết 5

**VĂN BẢN 3: VẺ ĐẸP CỦA SÔNG ĐÀ**

**(Nguyễn Tuân)**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu video *Giới thiệu vẻ đẹp của sông Đà:* [*https://www.youtube.com/watch?v=jCNx30\_nepI*](https://www.youtube.com/watch?v=jCNx30_nepI)*.*  - GV đặt câu hỏi: Cảm nhận của em về dòng sông Đà sau khi xem video?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ các câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:  **Tích hợp GD: Yêu, tự hào về quê hương. Ý thức xây dựng và làm cho quê hương ngày càng giàu đẹp**  *Một tác phẩm nghệ thuật đích thực phải là một chiếc vỏ ốc nhỏ bé mong manh song lấp lánh sắc màu và từ đó ngân lên tiếng thì thầm của đại dương sâu thẳm, ngân lên những khúc ca về cuộc sống, tình yêu và khát vọng muôn đời. Tuỳ bút “ Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân chính là một tác phẩm như vậy. Tùy bút như một khúc ca ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, bạo liệt song cũng vô cùng thơ mộng, trữ tình. Văn bản “Vẻ đẹp của sông Đà” làm nổi bật vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình ấy. Văn bản góp phần làm sáng tỏ chủ điểm “Thương nhớ quê hương” của bài học 1.* | HS trình bày cảm nhận |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản  phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV hướng dẫn HS đọc.  - GV mời HS đọc trực tiếp VB trước lớp.  - Lưu ý: đọc giọng to, rõ ràng mà vẫn thể hiện cảm xúc của tác giả.  \* GV chia lớp thành 2 dãy. HS mỗi dãy trao đổi theo cặp câu hỏi sau**:**  **Dãy 1** thực hiện câu 1.  **Dãy 2** thực hiện câu 2.  Thời gian: 5 phút  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản:  **Câu 1**:  ? Hãy cho biết vài nét về tác giả văn bản, xuất xứ và thời gian ra đời của văn bản.  ? Văn bản viết về đề tài gì?  **Câu 2**:  ? Tác giả đã sử dụng thể loại và PTBĐ nào?  ? Nêu bố cục của văn bản.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp ở mỗi dãy lần lượt trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  - Chuẩn kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả:**  - Nguyễn Tuân (1910 – 1987), người Hà nội.  - Sinh ra trong một gia đình nhà nho.  - Ông là một nghệ sĩ tài hoa,uyên bác, phong cách nghệ thuật độc đáo: Luôn tiếp cận cuộc sống từ góc độ tài hoa uyên bác ở phương diện văn hoá, nghệ thuật.  - Ngòi bút phóng túng và có ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân.  - Ông là tác giả của nhiều tập truyện, kí đặc sắc, trong đó có tập tuỳ bút *Sông Đà* (1960)  **2. Văn bản** **a. Xuất xứ và thời gian ra đời**  Trích tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà,* in trong *Nguyễn Tuân toàn tập,* tập 4,NXB Văn học, 2020)  **b.  Đề tài: Vẻ đẹp của sông Đà**  **c. Thể loại, phương thức biểu đạt:**  **- Thể loại: tuỳ bút**  - **Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm kết hợp với miêu tả, thuyết minh.  **- Bố cục:**  - Phần 1 (từ đầu đến “phiết vào bản đồ lai chữ”): Sông Đà nhìn từ trên cao xuống.  - Phần 2 (tiếp theo đến “thác lũ ngay đấy”): Sông Đà ở góc quan sát gần, ở bờ sông nhìn xuống  - Phần 3 (còn lại): Điểm nhìn từ chiếc thuyền trôi trên sông Đà thấy vẻ đẹp hai bên bờ sông |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Tìm hiểu VB *Vẻ đẹp của sông Đà***  **HĐ nhóm.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Lớp chia thành 6 nhóm, thực hiện thảo luận theo yêu cầu sau:**  **Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu vẻ đẹp của sông Đà khi nhìn từ trên cao xuống.  **Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu vẻ đẹp của sông Đà ở góc quan sát gần, từ bờ sông nhìn xuống.  **Nhóm 5, 6:** Tìm hiểu cảnh đẹp ven sông Đà ở góc nhìn từ thuyền trôi trên sông Đà.  **Câu hỏi chung cho cả 6 nhóm:**  *Nhận xét chung về vẻ đẹp của sông Đà được thể hiện trong văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Các cá nhân ghi câu trả lời ra giấy, sau đó thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.  - HS bắt cặp trong bàn, hoặc 2 bàn gần nhau để trao đổi ý kiến.  - Chia sẻ với nhóm lớn/cả lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Sông Đà nhìn từ trên cao xuống**  **- Sông Đà hiện lên với đường nét, tính cách mang linh hồn của một con người:** Sông Đà được ví như *cái dây thừng ngoằn ngoèo, cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò sông Đà; con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thuỷ Tinh “Núi cao sông hãy còn dài – Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”=>* Sông Đà trong cảm nhận của nhà văn bên cạnh vẻ hung bạo, dữ dội vốn có, cũng thật giàu chất thơ, chất trữ tình lãng mạn.  **- Nhà văn đã viết nên những câu văn mềm mại, uyển chuyển, để diễn tả vẻ đẹp mềm mại, duyên dáng, nhiều màu sắc và kiều diễm của dòng sông như của một người thiếu nữ**: “*Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân”:*  *+* **Điệp ngữ “*tuôn dài, tuôn dài*”** như mở ra trước mắt của người đọc độ dài vô tận của dòng sông; mái tóc của Đà giang như nối dài đến vô tận, trùng điệp giữa bạt ngàn màu xanh lặng lẽ của núi rừng. + **Câu văn của Nguyễn Tuân càng đẹp hơn với hình ảnh so sánh sông Đà “*như một áng tóc trữ tình*”** như nhấn mạnh hình dáng dòng sông mềm mại, mượt mà, lại duyên dáng uyển chuyển, yêu kiều như áng tóc của người con gái. Cùng với hình ảnh “*ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc*” và phép so sánh mây trời ấy **cuồn cuộn như mù khói núi mèo đốt nương xuân**, chính điều này làm tăng thêm vẻ hư ảo, kín đáo, e ấp, tình tứ của dòng sông.  **- Vẻ đẹp trữ tình của sông Đà còn được Nguyễn Tuân thể hiện qua việc miêu tả sắc nước:** Ở mỗi thời điểm khác nhau người ta lại thấy Sông Đà **thay đổi** trong một dáng vẻ, màu sắc khác nhau: + **Mùa xuân, nước sông Đà xanh “*ngọc bích chứ không xanh màu xanh canh hến của nước sông Gâm, sông Lô*”.** Xanh ngọc bích là xanh trong, xanh sáng, xanh biếc – một sắc màu gợi cảm, trong lành. Đó là sắc màu của nước, của núi rừng Tây Bắc, và của cả da trời.  **+ Mùa thu, nước sông Đà “*lừ lừ chín đỏ*** *như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội độ thu về*”. Câu văn sử dụng phép so sánh “*lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa*” chắc chỉ có ở một mình Nguyễn Tuân. Ông đã sử dụng phép so sánh thật độc đáo, tinh tế, mới mẻ, thú vị nhưng không kém phần gần gũi.  **2. Sông Đà ở góc quan sát gần, ở bờ sông nhìn xuống**  **- Đối với Nguyễn Tuân, SĐ gợi cảm như một “*cố nhân****”* để xa thấy nhớ, gặp lại thấy vui mừng, hạnh phúc*.*  **+** Niềm vui của tác giả khi gặp lại con sông: *“Chao ôi, trông con sông vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng”;* nó “*đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân*”. => **Rõ ràng trong tình yêu của tác giả, sông Đà đã thực sự trở thành người bạn cũ, một tri âm** với bao kỷ niệm gắn bó trong quá khứ, bao nhớ thương trong hiện tại, bao chung thủy trong tương lai, một cố nhân trái tính, trái nết “*lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bắn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”*  mà vẫn có sức hấp dẫn đến lạ kỳ.  **=> Bằng cách so sánh, nhân hoá độc đáo, NT đã làm cho sông Đà hiện lên với vẻ đẹp bởi chiều sâu:** thân thiện, dễ mến, phảng phất hơi ấm tình người của dòng sông. Nó trở thành người bạn hiền chung thuỷ, điềm tĩnh chờ đợi người đi xa trở về.  - Sông Đà còn mang vẻ đẹp cổ kính, Đường thi: Khi bắt gặp ánh nắng trên sông Đà “*loang loáng*” như “*trẻ con cầm gương chiếu vào mắt người lớn rồi bỏ chạy*” chiếu vào mắt, trong sự hướng ngoại, nhà văn đã say đắm liên tưởng, phát hiện ra nắng sông Đà đẹp đến mê hồn trong ánh sáng “*loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu*”. Mượn một câu thơ trong bài thơ Đường nổi tiếng của Lí Bạch “*Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*” – Nguyễn Tuân dường như đã ngầm khẳng định vẻ đẹp cổ kính, Đường thi của dòng sông Tây Bắc. Dòng sông ấy trong sự liên tưởng đến thơ Đường đã gợi tả được vẻ đẹp phẳng lặng, cổ kính, trong sáng, lấp lánh, hồn nhiên thanh bình.  - Dòng sông ấy thật dồi dào sức sống với *“bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà”…*gợi vẻ đẹp của thảm thực vật và muông thú thật yên bình.  **3. Cảnh ven sông Đà từ góc nhìn trên thuyền trôi trên sông Đà**  - Không khí của dòng sông tĩnh lặng *hoang dại như một bờ tiền sử, hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa...* Nhà văn đã dùng phép so sánh, nhân hoá dùng không gian để gợi mở thời gian tạo ấn tượng về vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng, nguyên thủy như tự buổi sơ khai của sông Đà *hình như đời Trần đời Lê quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi;dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc…*  - Cảnh bờ bãi sông Đà mang vẻ đẹp trong trẻo, nguyên sơ, trẻ trung và tràn đầy sức sống: *lá ngô non đầu mùa, nõn búp, đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm...*; những câu văn tươi xanh như thức dậy cái phần non tơ nhất của cảnh vật, của hồn người. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ? Nêu những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   HS trả lời câu hỏi.  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**   1. **Nghệ thuật:**   - Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.  - Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.  **2. Nội dung**  Vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của sông Đà từ nhiều góc nhìn khác nhau. Từ đó, thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV giao* nhiệm vụ.**  Núi Nhạn – Wikipedia tiếng Việt  Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về hình ảnh con sông quê em.  **Bước 2:** **HS lần lượt trả lời câu hỏi**  **Bước 3: Báo cáo kết quả học tập**  **Bước 4.** **Công bố kết quả:** |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi:  Kể tên một số tác phẩm văn học khác viết về dòng sông mà em đã học hoặc được đọc. Nêu cảm nhận của em về dòng sông trong một tác phẩm mà em vừa kể tên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi1 -2 HS cặp đôi báo cáo kết quả thảo luận. HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.** | Các tác phẩm văn học khác viết về dòng sông: *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), *Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà* (Quang Huy), *Sông nước Cà Mau* (Đoàn Giỏi), *Nhớ con sông quê hương* (Tế Hanh),… |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01: SÔNG ĐÀ NHÌN TỪ TRÊN CAO XUỐNG**   |  |  | | --- | --- | |  | **Nhận xét** | | Từ ngữ, hình ảnh: |  | | Biện pháp tu từ (nếu có): |  | | Từ ngữ mới mẻ, thú vị (nếu có): |  |   => Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02: SÔNG ĐÀ Ở GÓC QUAN SÁT GẦN, Ở BỜ SÔNG NHÌN XUỐNG**   |  |  | | --- | --- | |  | **Nhận xét** | | Từ ngữ, hình ảnh: |  | | Biện pháp tu từ (nếu có): |  | | Từ ngữ mới mẻ, thú vị (nếu có): |  |   => Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 03: CẢNH VEN SÔNG ĐÀ TỪ GÓC NHÌN THUYỀN TRÔI TRÊN SÔNG ĐÀ**   |  |  | | --- | --- | |  | **Nhận xét** | | Từ ngữ, hình ảnh: |  | | Biện pháp tu từ (nếu có): |  | | Từ ngữ mới mẻ, thú vị (nếu có): |  |   => Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình: |

**Tiết 6,7 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Trò chơi: “Đố vui”  HS hoạt động cá nhân, tham gia trò chơi đố vui bằng cách trả lời một số câu đố dân gian sau:   1. Tên em không thiếu không thừa   Tấm lòng vàng vọt, ngon vừa ý anh.  (Là quả gì?)   1. Có con mà chẳng có cha   Có lưỡi, không miệng đó là vật chi?  (Là cái gì?)   1. Trên trời rớt xuống mau co.   (Là cái gì?)  (4) Khi đi cưa ngọn, khi về cũng cưa ngọn.  (Là con gì?)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trong 10s.  **Bước 3: Báo cáo kết quả:** HS trả lời câu hỏi  **Bước 4.** Đánh giá, kết luận  **- GV kết nối**: Những câu đố vui trên tác giả đã sử dụng lối chơi chữ tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị khi tìm đáp án bằng nhiều cách khác nhau. Vậy chơi chữ là gì? Có những cách chơi chữ nào? Tác dụng của chơi chữ là gì? Cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay. Bên cạnh chơi chữ, biện pháp điệp thanh, điệp vần cũng là những biện pháp tu từ làm tăng tính gợi hình, biểu cảm cho sự diễn đạt. Bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu các biện pháp tu từ độc đáo và thú vị này: chơi chữ, điệp thanh, điệp vần. | (1) Quả đu đủ  (2) Con dao  (3) Mo cau  (4) Con ngựa |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhắc lại lí thuyết về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần**  **Thao tác 1: Tìm hiểu ví dụ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS hoạt động cặp đôi**  HS đọc ví dụ và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  **VD1:**  *Bà già đi chợ Cầu Đông,*  *Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?*  *Thầy bói xem quẻ nói rằng:*  *Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.*  (Ca dao)  a. Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ “*lợi”* trong bài ca dao trên?  b. Việc sử dụng từ “*lợi”* ở cuối bài ca dao là dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ? Tác dụng?  **VD2:** Em nhận xét gì về việc sử dụng thanh điệu trong các câu thơ sau? Theo em, việc sử dụng thanh điệu như vậy có tác dụng gì?  *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*  *Heo hút cồn mây súng ngửi trời*  *Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống*  *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*  (Quang Dũng *Tây Tiến*)  **VD3:** Những âm tiết nào trong câu thơ sau có phần vần giống nhau? Việc lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau như vậy nhằm mục đíc.h gì?  *Lá bàng đang đỏ ngọn cây*  *Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời.*  (Tố Hữu, *Tiếng hát sang xuân)*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: Đại diện của một số cặp đôi HS trình bày kết quả.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.  **Thao tác 2: Kết luận**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HĐ cá nhân**  Trường hợp VD1, câu ca dao sử dụng phép tu từ chơi chữ, trường hợp VD2, tác giả sử dụng phép tu từ điệp thanh, trường hợp VD3, tác giả sử dụng phép tu từ điệp vần. Vậy qua việc tìm hiểu ví dụ và phần tri thức tiếng Việt trong sgk, tr.11, em hãy cho biết thế nào là chơi chữ? Điệp thanh? Điệp vần? Tác dụng của các biện pháp tu từ này?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  GV mời 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.  HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, chuẩn kiến thức** | **I. Lý thuyết về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần**  **1. Xét ví dụ**  **VD1:**  a. *Lợi (1):* Thuận lợi, lợi lộc, lợi ích.  *Lợi (2), (3)*: Phần thịt bao quanh răng.  b. Việc sử dụng từ “*lợi”* ở cuối bài ca dao là dựa vào hiện tượng đồng âm của từ ngữ.  Tác dụng: Tạo ra sắc thái dí dỏm, hài hước, làm tăng sức hấp dẫn cho bài ca dao.  **VD2:** Nhận xét về việc sử dụng thanh điệu:  - 3 câu thơ đầu: lặp lại nhiều thanh trắc gợi địa hình dữ dội, trắc trở, gập ghềnh.  - Câu cuối: toàn thanh bằng, gợi khung cảnh thơ mộng, trữ tình trong màn mưa.  => Tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho sự diễn đạt.  **VD3:** Các âm tiết có phần vần giống nhau là: bàng – đang – giang – mang – ngang => các âm tiết đều có vần “ang”.  => Tác dụng: tạo nhạc tính cho hai dòng thơ, đồng thời gợi cho người đọc hình dung về một không gian rộng lớn, khoáng đạt.  **2. Kết luận**  **\* Chơi chữ:**  - Khái niệm và tác dụng: là biện pháp tu từ sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị.  - Các lối chơi chữ:  + Dựa trên hiện tượng đồng âm. Ví dụ: Bài ca dao trong ví dụ 1, dựa trên hiện tượng đồng âm *lợi*  + Lối nói gần âm (trại âm). Ví dụ:  *Sánh với Na – va “ranh tướng” Pháp*  *Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương*  (Tú Mỡ)  => “ranh” -> ranh con, danh: giỏi giang, nổi tiếng => Dùng lối nói gần âm để mỉa mai, giễu cợt tên chỉ huy quân sự Pháp.  + Cách điệp âm:  *“Mênh mông muôn mẫu một màu mưa*  *Mỏi mắt miêm man mãi mịt mờ*  *Mộng mị mỏi mòn mai một một*  *Mỹ miều may mắn mấy mà mơ”*  (Mưa - Tú Mỡ)   * Điệp âm “m”, tạo nhạc tính cho câu thơ.   + Lối nói lái. Ví dụ:  “*Có cá đâu* mà anh ngồi *câu đó*  Biết *có không* mà *công khó* anh ơi?”  (Ca dao)  + Lối tách từ. Ví dụ:  Kẻ sĩ ngại ăn diện          Dân bần thường tuỳ tiện          Công thần trí thường nông          Chỉ tụng, chẳng dám kiện  (Trong lời nói hàng ngày)  …  - Phạm vi sử dụng: Trong văn chương và trong cuộc sống hàng ngày.  **\* Điệp thanh:** là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường là cùng thuộc thanh bằng hoặc thanh trắc) nhằm mục đích tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.  Ví dụ: Câu thơ trong VD2.  **\*Điệp vần:** là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau nhằm mục đích làm tăng sức biểu và nhạc tính cho văn bản.  Ví dụ: Câu thơ trong VD3. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Thực hành bài tập tiếng việt về các biện pháp chơi chữ, điệp thanh, điệp vần**  **Hình thức: Làm việc cặp đôi**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Theo dõi SGK trang 20, 21; thảo luận cặp đôi hoàn thành nhanh bài tập 1, 3, 4, 5, 6  **Bài tập 1:** Xác định biện pháp tu từ chơi chữ và nêu tác dụng.  **Bài tập 3:** Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh.  **Bài tập 4:** Nhận xét về thanh điệu của các âm tiết trong đoạn trích và nêu tác dụng.  **Bài tập 5:** Nêu tác dụng của biện pháp điệp thanh và điệp vần.  **Bài tập 6:** Nhận xét về sự hài hoà âm thanh trong đoạn thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo cặp đôi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số cặp đôi phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II.Thực hành**  **1.Bài tập 1:** Xác định biện pháp tu từ chơi chữ và tác dụng của biện pháp này:  a. Biện pháp chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm: quốc quốc, gia gia có thể là âm thanh thực mà tác giả nghe thấy trên đường đi, đồng thời “quốc” nghĩa là nước, “gia” nghĩa là nhà.  => Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ, làm tăng nỗi nhớ nước, thương nhà của tác giả.  b. Biện pháp chơi chữ theo lối nói lái: cá đối – cối đá; mèo cái – mái kèo  => Tác dụng: ý nói sự trái khoáy, hẩm hiu của duyên phận.  c. Biện pháp chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm:  chả (1): Món ăn làm bằng thịt, cá hoặc tôm thái miếng, băm hoặc giã nhỏ, ướp gia vị rồi rán hoặc nướng.  chả (2): khẩu ngữ, mang tính phủ định, giống với *không, chẳng.*   * Tác dụng: Làm cho cách nói thú vị, hài hước.   **2.Bài tập 3:** Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp:  a. Cả 2 dòng thơ sử dụng toàn thanh bằng.  => Biện pháp điệp thanh tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu thơ - gợi không gian nhẹ nhàng, thơ mộng, một nỗi buồn mênh mang; đồng thời góp phần làm nên nhạc tính cho đoạn thơ.  b. Dòng thơ đầu: Điệp thanh trắc (phận thấp chí khí uất)  Dòng thơ hai: Điệp toàn thanh bằng  => Thể hiện hai trạng thái cảm xúc của nhà thơ Tản Đà: Phẫn uất, đầy chua xót khi ý thức về giá trị, tài năng, phẩm chất của cá nhân nhưng không được trọng dụng vì sinh “nhầm thời”; tính cách tự do, phóng khoáng muốn thoát khỏi thực tại của Tản Đà => Biện pháp điệp thanh tăng tính gợi hình, gợi cảm, tạo nhạc tính cho câu thơ.  **3. Bài tập 4:**  a.Nhận xét về thanh điệu của các âm tiết trong đoạn trích: Thanh bằng – trắc đan xen, tác giả điệp thanh bằng liên tiếp trong các câu văn.  b. Tác dụng: Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, chầm chậm, từ đó, làm nổi bật vẻ đẹp lặng tờ, thơ mộng, trữ tình của sông Đà.  **4. Bài tập 5:** Kết hợp giữa điệp thanh và điệp vần trong câu thơ:  - Điệp thanh: Điệp thanh bằng trong cả hai dòng thơ.  - Điệp vần: “ương”, “ưng”, “ơi”.  => Tác dụng: Tạo nhạc tính cho câu thơ, gợi không gian mơ hồ, không xác định, từ đó gợi cảm giác chơi vơi, mông lung khó tả của một người tương tư.  **5. Bài tập 6:** Sự hài hoà về âm thanh tạo ra nhờ những yếu tố:  - Điệp thanh: Điệp thanh bằng ở hầu hết các câu thơ, chủ yếu ở các câu 1, 2, 3 và điệp thanh trắc chủ yếu ở câu 4.  - Điệp vần: “ơi”.  - Ngoài ra còn yếu tố nhịp điệu.  => Thể hiện giọng điệu thơ nhẹ nhàng ở các câu đầu, bay bổng trong câu thơ cuối, từ đó gợi tâm trang lâng lâng, hứng khởi của tác giả khi được giác ngộ lí tưởng cách mạng. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Bài tập 2 (tr.21, sgk)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Sưu tầm một số câu nói của người thân, bạn bè có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Nêu đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ này trong mỗi trường hợp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ, đặt câu phù hợp.  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS trả lời  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS.  **\*Nhiệm vụ 2:** **Sưu tầm thêm các câu thơ, văn chứa biện pháp điệp thanh, điệp vần**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Sưu tầm thêm các câu thơ (đoạn thơ), câu văn (đoạn văn) có sử dụng biện pháp điệp thanh, điệp vần và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó trong mỗi trường hợp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh dựa vào vốn kiến thức của mình để sưu tầm theo yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc câu thơ (đoạn thơ), câu văn (đoạn văn)  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS. | - Đầu tiên là tiền đâu?  -> nói lái.  => Tạo sắc thái dí dỏm, bông đùa của câu nói.  - Đã dốt lại còn nát  -> lối tách từ.  => Tạo sắc thái nhấn mạnh, mỉa mai sự kém cỏi của một người nào đó.  *Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then đêm sập cửa*  *Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*  *Câu hát căng buồm cùng gió khơi*  (Huy Cận, *Đoàn thuyền đánh cá)*  *=>* Các câu 2, 3, 4 điệp nhiều thanh trắc, câu cuối điệp thanh bằng: những câu đầu gợi thiên nhiên dữ dỗi khi màn đêm chuẩn bị buông xuống nhưng với câu cuối điệp nhiều thanh bằng, chúng ta lại thấy được sức mạnh, niềm vui trong lao động của người dân chài. |

|  |
| --- |
| **Tiết 8 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**  **VĂN BẢN 4: MÙA XUÂN NHO NHỎ (THANH HẢI)** |

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV trình chiếu một video bài hát *Tự nguyện* (sáng tác: Trương Quốc Khánh)  <https://www.youtube.com/watch?v=yX19_YHtRjQ>  GV yêu cầu HS lắng nghe và chia sẻ:  + Chủ đề của bài hát là gì?  + Bài hát muốn gửi gắm đến người nghe thông điệp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào cách ứng xử của bản thân và những người xung quanh để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **🡺GV dẫn vào bài:**  *Khát vọng cống hiến cho đất nước là khát vọng muôn đời của các thế hệ người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Khát vọng cống hiến cũng là một trong những biểu hiện tiêu biểu của tình yêu quê hương, đất nước. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải là một bài thơ viết về chủ đề này. Với giọng thơ ngọt ngào, tha thiết, nhà thơ đã đưa chúng ta đến với mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước,cách mạng và mùa xuân của lòng người.* | Hs trả lời  **Tích hợp GD: Tuổi trẻ xây dựng lối sống đẹp, cống hiến xd quê hương đất nước** |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Giọng điệu có sự thay đổi, lúc thì hào hứng , sôi nổi, lúc thì trầm lắng, suy tư. Nhịp thơ 2/3 hoặc 3/2.  - GV gọi 1 - 2 HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó: *Nam ai, nam bình, phách…*  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Đọc – khám phá chung** | | **1. Nêu một số hiểu biết về nhà thơ Thanh Hải** | | **2. Tìm hiểu chung về bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ***  a. Nêu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của văn bản**.**  b. Xác định thể thơ của văn bản.  c. Nhân vật trữ tình của văn bản là ai?  d. Xác định bố cục của văn bản |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  **\*GV chiếu hình ảnh nhà thơ Thanh Hải và 1 số tác phẩm của nhà thơ Thanh Hải để HS quan sát.**    **Nhà thơ Thanh Hải** | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2.** **Tác giả (1930 – 1980)** **-** Quê: xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Ông là tác giả của một số tập thơ thể hiện tình yêu quê hương, vai trò trách nhiệm của mỗi người đối với đất nước.  **3. Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ***  **a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được in trong tập thơ cùng tên, xuất bản năm 1980.  **b. Thể thơ**: năm chữ  **c. Nhân vật trữ tình:** Ta/tôi (Tác giả)  **d. Bố cục: 04 phần**  - ***Phần 1*** (khổ 1): Mùa xuân của thiên nhiên  - ***Phần 2*** (khổ 2,3): Mùa xuân của đất nước  - ***Phần 3*** (khổ 4, 5): Suy ngẫm và ước nguyện của nhân vật trữ tình.  - ***Phần 4*** (khổ cuối): Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thao tác 1: Nét độc đáo về hình thức của bài thơ - Tìm hiểu một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ**  **HĐ NHÓM: (kĩ thuật trạm)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sắp xếp lớp học thành 4 dãy hàng dọc hoặc 4 dãy hàng ngang.  - Mỗi dạy là một đội, HS ngồi đối diện. Số lượng HS trong mỗi đội phụ thuộc vào sĩ số lớp.  + Trong mỗi dãy, chia làm 1 trạm: trạm 1; trạm 2; trạm 3; trạm 4  - GV nêu yêu cầu:  + Mỗi đội có 4 phiếu học tập: PHT 02, 03, 04, 05  + Các đội lần lượt hoàn thành từng phiếu học tập lần lượt theo từng bước tương ứng với yêu cầu của từng trạm: Trạm 1 thực hiện xong chuyển sang trạm 2, trạm 2 thực hiện xong chuyển sang trạm 3, trạm 3 thực hiện xong chuyển sang trạm 4.  ++ Trạm 1: Hoàn thành PHT 02, tìm hiểu nhan đề và khổ thơ 1.  ++ Trạm 2: Hoàn thành PHT 03, tìm hiểu khổ thơ 2 và 3  ++ Trạm 3: Hoàn thành PHT 04, tìm hiểu khổ thơ 4, 5  ++ Trạm 4: Hoàn thành PHT 05, tìm hiểu khổ thơ 6 và nhận xét mạch cảm xúc của bài thơ.  - Đội nào hoàn thành xong 4 PHT sẽ giành chiến thắng. Hoặc sau 15 phút, đội nào hoàn thành được nhiều, đúng phiếu học tập sẽ giành chiến thắng. Không được ngắt quãng các trạm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các đội thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  - Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập  - Các đội khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  **Thao tác 3: Tìm hiểu những nét đặc sắc về hình thức khác của bài thơ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HĐ theo nhóm bàn trả lời các câu hỏi sau:**  - Phân tích cách gieo vần và ngắt nhịp trong bài thơ.  - Khái quát lại những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Tìm yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài thơ. Việc kết hợp hai yếu tố này có tác dụng gì?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm vụ trong 5 phút  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  -Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm (đánh giá sản phẩm cả về mặt nội dung và hình thức).  - GV chuẩn kiến thức.  **\* Thao tác 3: Tìm hiểu cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:  - Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ.  - Nêu chủ đề của bài thơ và một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.  - Nêu thông điệp mà bài thơ muốn gửi gắm đến người đọc.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi  Cặp đôi khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nét độc đáo về hình thức của bài thơ**  **1.1 Một số nét đặc sắc về kết cấu của bài thơ: cách sắp xếp bố cục, cách triển khai mạch cảm xúc của bài thơ**  **a. Nhan đề:**  - Nghĩa đen: mùa xuân của thiên nhiên, đất trời (mùa xuân là mùa của sự sinh sôi, đâm chồi, nảy lộc)  - Nghĩa ẩn dụ: “Mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh tuý, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. Nhan đề của bài thơ thể hiện ước nguyện của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình, đồng thời thể hiện thái độ sống khiêm nhường, muốn là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, đất nước, của cuộc đời chung => Khát vọng sống cao đẹp, chân thành của nhà thơ.  **b. Khổ đầu: mùa xuân của thiên nhiên, đất trời**  *Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc*  *Ơi con chim chiền chiện*  *Hót chi mà vang trời*  - Hình ảnh: dòng sông xanh, hoa tím biếc  -> Hình ảnh, màu sắc đặc trưng của mùa xuân xứ Huế: Sắc xanh hiền hòa của sông điểm xuyết nét chấm phá của bông hoa tím biếc gợi một sắc xuân tươi tắn, rực rỡ mà vẫn rất mực bình dị, dân dã mang đậm chất Huế.  + Biện pháp đảo ngữ: động từ “mọc” được đặt trước hình ảnh “dòng sông xanh” và “hoa tím biếc”, →gợi được cái sức sống trỗi dậy, vươn mình của vạn vật trước mùa xuân.  - Âm thanh: Tiếng chim chiền chiện hót – tươi vui, rộn ràng: “hót chi mà vang trời”.  + Phép nhân hóa - lời trò chuyện với thiên nhiên: *"ơi, hót chi... mà..."*. -> Thể hiện cái nhìn trìu mến với cảnh vật  -> Không gian cao rộng, màu sắc tươi tắn, âm thanh vang vọng tươi vui, vạn vật đang vươn lên đầy sức sống.  - Cảm xúc của tác giả:  *Từng giọt long lanh rơi*  *Tôi đưa tay tôi hứng*  *+ “giọt long lanh:* Đâylà một hình ảnh đẹp có thể hiểu theo hai cách:  ++ Là những giọt mưa mùa xuân, giọt sương mùa xuân, trong sáng, rơi xuống từng nhành cây, kẽ lá như những hạt ngọc.  ++ Nghệ thuật: Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tài hoa, tinh tế - cảm nhận bằng *thính giác* → *thị giác:* Giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện đã ngưng đọng thành hình, thành khối, thành sức sống mùa xuân có sắc màu lóng lánh  => Đứng trước cảnh đẹp có sức hút kì lạ của mùa xuân, nhà thơ có phản ứng đặc biệt: *Tôi đưa tay tôi hứng* -> Thế chủ động, niềm say sưa, ngây ngất, trân trọng trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước khi vào xuân của tác giả.  *=>* Tóm lại, khổ 1 là bức tranh đẹp rất Huế, đầy sức sống → tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên của tác giả.  **c. Khổ 2, 3: Mùa xuân của đất nước, của cách mạng**  **\*Khổ 2:**  *“Mùa xuân người cầm súng*  *Lộc giắt đầy trên lưng*  *Mùa xuân người ra đồng*  *Lộc trải dài nương mạ*  *Tất cả như hối hả*  *Tất cả như xôn xao.*  - Hình ảnh con người xuất hiện với hai đối tượng: “người cầm súng” và “người ra đồng” => Nhà thơ đã sáng tạo cặp hình ảnh sóng đôi để nói về hai lực lượng chủ yếu của Cách mạng, hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước: người chiến sĩ và người lao động – bảo vệ và xây dựng đất nước.  - Nghệ thuật:  + Điệp từ: *mùa xuân, lộc, tất cả*  ++ Mùa xuân; chỉ mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước.  ++ Lộc: chỉ là lộc non, chồi biếc của mùa xuân tươi non trên cành lá, tượng trưng cho thành quả lao động sản xuất và chiến đấu, là thành quả của cuộc cách mạng Việt Nam trên khắp các mặt trận giải phóng dân tộc  ++ Điệp ngữ “tất cả” tạo nên cái điệp khúc dồn dập,  + Từ láy: *hối hả, xôn xao →* nét rộn ràng, nhộn nhịp, náo nức trong tâm hồn -> tác giả đã thể hiện thành công cái không khí “người người thi đua, nhà nhà thi đua” xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  + Cấu trúc sóng đôi.  *→* nhấn mạnh sức sống, sức mạnh của con người → tạo nên sức sống của mùa xuân đất nước:  **\*Khổ 3:**  *Đất nước bốn nghìn năm*  *Vất vả và gian lao*  *Đất nước như vì sao*  *Cứ đi lên phía trước.*  - Nhớ lại lịch sử *bốn nghìn năm* của đất nước: Một lịch sử đầy vất vả và gian lao với bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước nhưng cũng thật hào hùng.  - Từ quá khứ, nhà thơ liên tưởng đến đất nước trong hiện tại và tương lai: Phép so sánh “đất nước như vì sao” là cách nói rất đẹp gợi đến lòng tin yêu vào một tương lai tươi sáng “cứ đi lên phía trước”, tin yêu vào thế hệ trẻ hôm nay sẽ đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu.  => Cả khổ thơ vừa là niềm tự hào vừa là niềm tin của nhà thơ đối với đất nước.  **d. Khổ 4, 5: Suy ngẫm và ước nguyện của nhân vật trữ tình**  *Ta làm con chim hót*  *Ta làm một nhành hoa*  *Ta nhập vào hòa ca*  *Một nốt trầm xao xuyến.*  *Một mùa xuân nho nhỏ*  *Lặng lẽ dâng cho đời*  *Dù là tuổi hai mươi*  *Dù là khi tóc bạc”.*  - Điệp từ “ta”: ước nguyện chân thành, thiết tha. Cái “tôi” giờ chuyển hoá thành cái “ta”: sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung.  - Động từ “làm”-“nhập”: hoá thân đến diệu kỳ, hoá thân để sống đẹp, sống có ích.  - Ẩn dụ: “bông hoa”, “con chim”, “nốt trầm”, “một mùa xuân nho nhỏ”; tính từ “ lặng lẽ”; động từ “ dâng” cho thấy lẽ sống cống hiến và ước nguyện chân thành, tha thiết mà khiêm nhường của nhà thơ.  - Điệp ngữ “dù là”, hoán dụ “tuổi hai mươi”, “ khi tóc bạc”.  -> Ước nguyện chân thành, thiết tha cháy bỏng muốn cống hiến hết mình cho đất nước, cho cuộc đời chung dù ở bất kì giai đoạn nào của cuộc đời.  **e. Khổ 6:** Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế  *Mùa xuân - ta xin hát*  *Câu Nam ai, Nam bình*  *Nước non ngàn dặm mình*  *Nước non ngàn dặm tình*  *Nhịp phách tiền đất Huế.*  - Khổ thơ mở đầu bằng mùa xuân, đại từ “ta” như hòa vào cảm xúc chung của toàn dân tộc.  - “Nam Ai – Nam Bình”, “nhịp phách tiền” là âm thanh đặc trưng xứ Huế, thể hiện sự gắn bó tha thiết với mảnh đất quê hương khi mở đầu tác phẩm là mùa xuân xứ Huế và kết thúc tác phẩm chính là một điệu hò đậm chất Huế thân yêu.  - Điệp ngữ "nước non ngàn dặm" kết hợp gieo vần bằng"bình, mình, tình" làm cho âm hưởng bài thơ ngọt ngào, dịu nhẹ như làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế.  -> Cả bài thơ là một khúc ca yêu đời, yêu cuộc sống. Ta thêm khâm phục một con người có lối sống đẹp, giàu nghị lực và thiết tha yêu cuộc sống.  **\*Mạch cảm xúc:**  + Bài thơ bắt đầu bằng cảm xúc thiết tha, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân thiên nhiên.  + Tiếp đó là cảm xúc tự hào trước mùa xuân của đất nước, cách mạng  + Từ cảm xúc, mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được nhập vào bản hòa ca của cuộc đời “một nốt trầm xao xuyến” của riêng mình; nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, dân tộc  + Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua làn điệu dân ca xứ Huế.  **1.2 Những nét đặc sắc về hình thức khác của bài thơ**  - Vần, nhịp:  + Vần liền: trời – rơi, mạ - hả, lao – sao, hoa – ca, bình – minh – tình.  + Nhịp: nhịp 2/3 hoặc 3/2.  - Sử dụng các biện pháp tu từ đặc sắc, ấn tượng: điệp ngữ, so sánh, ẩn dụ, từ láy, đảo ngữ, nhân hoá,…  - Sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm với yếu tố miêu tả: Miêu tả các hình ảnh trong mùa xuân: *dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, giọt long lanh, lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ,…*=> gợi cảm xúc của tác giả về tình yêu, sự gắn bó của tác giả với quê hương, đất nước.  **2. Cảm hứng chủ đạo, chủ đề và thông điệp của bài thơ**  **\*Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng yêu thiên nhiên, đất nước và tự hào về đất nước.  \* **Chủ đề:** Từ cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, bài thơ đã thể hiện tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước; góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.  - Căn cứ xác định chủ đề:  + Nhan đề: *Mùa xuân nho nhỏ* – hình ảnh ẩn dụ bao trùm nội dung toàn bài.  + Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước cách mạng gợi cảm xúc yêu mến, tự hào về đất nước. Từ đó, có khát vọng cống hiến vì đất nước.  + Sử dụng rất thành công biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ, từ láy, ẩn dụ, nhân hoá.  + Giọng thơ tha thiết, sâu lắng.  **\*Thông điệp:** Hãy đóng góp cho quê hương, dù chỉ là những điều nhỏ nhặt và hãy luôn cống hiến cho cuộc sống. Mỗi người hãy trở thành một “mùa xuân nho nhỏ” để tạo nên một mùa xuân vĩnh cửu cho đất nước. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi trong 2 phút  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  1 -2 HS trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: GV đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ, ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha gần gũi với dân ca.  - Hình ảnh tượng trưng kết hợp hài hòa tự nhiên và ý nghĩa sâu sắc. - Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, giàu hình ảnh và cảm xúc. - Sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ,…  **2. Nội dung**  Bài thơ bộc lộ cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước. Từ đó, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và khát vọng đẹp đẽ muốn làm một “mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho đời. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**:  Từ ước nguyện của nhà thơ trong bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay? Trả lời trong một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau (có thể sử dụng kĩ thuật Think-pair-share), tìm ra dàn ý của đoạn văn.  - HS viết đoạn văn theo hình thức cá nhân (tại nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).   * Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics. | **HS viết và trình bày** |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Hãy sưu tầm ngững bài thơ cùng có chung chủ đề  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  1 -2 HS trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: GV đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **Hs trả lời** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02: Tìm hiểu nhan đề và khổ 1 của bài thơ**  **1/Nhan đề:**   |  |  | | --- | --- | | **Nghĩa đen** |  | | **Nghĩa ẩn dụ** |  | | **Ý nghĩa của nhan đề** |  |   **2/ Khổ 1:**  **Đọc lại khổ thơ 1 và hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 1: Mùa xuân của thiên nhiên, đất trời** | | | | Hình ảnh thơ, âm thanh | Biện pháp tu từ (nếu có) | Cảm xúc của tác giả | |  |  |  | | => Tiểu kết đoạn 1: | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03:**  **Tìm hiểu khổ 2, 3: Mùa xuân của đất nước và cách mạng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khổ 2, 3: Mùa xuân của đất nước, cách mạng** | | | |  | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | | Khổ 3 |  |  | | Khổ 4 | ` |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | |   Đọc lại khổ 2, 3 và hoàn thành bảng sau: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04:**  **Tìm hiểu khổ 4, 5: Suy ngẫm và ước nguyện của nhân vật trữ tình**  Đọc lại khổ 4, 5 và hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Khổ 4, 5: Suy ngẫm và ước nguyện của nhân vật trữ tình** | | | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | |  |  | | ` |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05:**  **Tìm hiểu khổ 6: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế**  Đọc lại khổ 6 và hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Khổ 6: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế** | | | Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ (nếu có) | Nhận xét | |  |  | | ` |  | | => Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình: | | |

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn. | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu chủ đề đoạn văn: vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. | **0,5** |
| - Thế hệ trẻ có vai trò quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước vì: thế hệ trẻ là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai; là độ tuổi có sức khoẻ, sự nhanh nhạy, góp phần phát triển trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề; là lực lượng đưa đất nước chúng ra sánh vai với các cường quốc năm châu…  - Thế hệ trẻ cần có những việc làm cụ thể để thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình với đất nước; ra sức học tập, trau dồi tri thức và bồi dưỡng nhân cách để trở thành người tài giúp sức cho xã hội; tìm hiểu lịch sử dân tộc, có niềm tự hào về đất nước, dân tộc để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; quảng bá những nét đẹp văn hoá của dân tộc với bạn bè năm châu; kiên quyết đấu tranh trước những hành động chống phá nhà nước,… | **5** |
| - Bài học nhận thức và hành động: Bản thân mình là một con người thuộc thế hệ trẻ của đất nước nên cần ý thức về vai trò, trách nhiệm của mình; cố gắng học tập và rèn luyện để xây dựng đất nước giàu đẹp. | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**B. VIẾT**

**LÀM MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**

**TIẾT 9**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** GV yêu cầu HS đọc một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ mà mình đã làm ở lớp 8? Từ đó, HS chia sẻ những yêu cầu về hình thức và nội dung khi làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  ***GV dẫn dắt vào nội dung tiết học****:*  *Ở các lớp dưới, chúng ta đã học cách làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ, sáu chữ và bảy chữ. Ở lớp 9, chúng ta sẽ tiếp tục học cách làm một bài thơ. Tuy nhiên, có một chút khác biệt về hình thức, đó là chúng ta sẽ học làm một bài thơ 8 chữ. Vậy cách làm một bài thơ tám chữ có điểm gì giống và khác với những bài học làm một bài thơ mà chúng ta đã học? Để trả lời được câu hỏi đó, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay - “Làm một bài thơ tám chữ”* | **-** HS có thể đọc một bài thơ sáu hoặc bảy chữ mà mình đã làm.  - Một số lưu ý khi làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ:  + Có các dòng thơ sáu chữ hoặc bảy chữ  + Nhan đề phù hợp với nội dung  + Sử dụng được ít nhất một cách gieo vần  + Sử dụng một số biện pháp tu từ  + Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.  + Các hình ảnh trong bài thơ sống động, thú vị  + Có độ dài tối thiểu: bốn dòng thơ (mỗi dòng sáu chữ hoặc bảy chữ)  + Bài thơ thể hiện một trạng thái cảm xúc, một suy ngẫm nào đó về thiên nhiên hoặc con người |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Từ việc đọc hiểu các bài thơ *Quê hương, Bếp lửa* và các kiến thức trong sgk, em hãy nêu những đặc điểm của thể thơ tám chữ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Đặc điểm của thơ tám chữ**  - Thể thơ tám chữ là thể thơ mỗi dòng có tám chữ, khổ thơ dài ngắn khác nhau hoặc không chia khổ và có cách ngắt nhịp đa dạng.  - Về cách gieo vần, thơ tám chữ thường gieo vần chân và vần liền thành từng cặp luân phiên bằng, trắc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý, viết bài.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + Em có ấn tượng với những sự vật, hiện tượng nào trong cuộc sống?  + GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình theo nhiều cách: quan sát, cảm nhận, hình dung, tưởng tượng,…  + HS làm thơ theo hướng dẫn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ về các câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm (chia sẻ với thầy cô, bạn bè)  + GV gọi HS khác nhận xét về bài thơ của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **Hướng dẫn quy trình viết và thực hành viết**  **II.Thực hành**  **Đề bài:** *Làm một bài thơ tám chữ thể hiện cảm xúc của em về gia đình, bạn bè, thiên nhiên,…*  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc lại những bài thơ ở phần đọc để học cách thể hiện cảm xúc, suy ngẫm về cuộc sống của các nhà thơ.  - Quan sát, suy ngẫm về cuộc sống xung quanh: hình ảnh quê hương; hình ảnh người thân, bạn bè, thầy cô; hình ảnh thiên nhiên;…  - Định hình cảm xúc được gợi lên từ sự vật, hiện tượng: vui, buồn, bùi ngùi, thương nhớ,…  - Hình dung người đọc bài thơ này có thể là những ai (người lớn, trẻ em,…)  => Lựa chọn nội dung và cách viết phù hợp  **2. Bước 2: Làm thơ**  - Diễn đạt cảm xúc, suy ngẫm của em bằng những từ ngữ, hình ảnh sống động, gợi cảm.  - Dùng từ láy, các biện pháp tu từ (nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ), hình ảnh tượng trưng…để tăng hiệu quả biểu đạt của hình tượng thơ.  - Lựa chọn, bổ sung hoặc giảm bớt số từ trong một dòng thơ, đảm bảo mỗi dòng thơ có tám chữ.  - Gieo vần chân theo từng cặp (cùng thanh bằng hoặc thanh trắc) ở tiếng thứ 8 của hai dòng thơ liền nhau. Thay thế những từ ngữ đã có bằng những từ ngữ khác có vần giống hoặc gần giống.  - Sử dụng dấu câu phù hợp để tạo sự ngắt nhịp linh hoạt cho bài thơ sao cho thể hiện được chính xác tình cảm, cảm xúc của em.  - Đọc diễn cảm các câu thơ đã viết, lắng nghe âm thanh, nhịp điệu của bài thơ có phù hợp với cảm xúc mà em muốn thể hiện hay không.  **3. Bước 3: Chỉnh sửa và chia sẻ**  - Đọc lại bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng kiểm đánh giá nội dung và hình thức của bài thơ  - Đọc bài thơ từ vai trò của người đọc và trả lời câu hỏi:  + Điều em thích nhất ở bài thơ là gì?  + Nên điều chỉnh những gì để bài thơ hay hơn? |
| **BẢNG KIỂM VỀ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA BÀI THƠ TÁM CHỮ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiêu chí | | Đạt | Chưa đạt | | Hình thức | Có các dòng thơ tám chữ |  |  | | Gieo vần đúng quy cách của thơ tám chữ |  |  | | Sử dụng một số biện pháp tu từ. |  |  | | Từ ngữ trong bài thơ thể hiện được điều người viết muốn nói |  |  | | Có một số hình ảnh trong bài thơ sống động, thể hiện được chủ đề của bài thơ. |  |  | | Có độ dài tối thiểu: bốn dòng thơ |  |  | | Nội dung | Bài thơ thể hiện được cảm xúc, một suy ngẫm về thiên nhiên hoặc con người |  |  | | Nhan đề phù hợp với nội dung văn bản |  |  | | |

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**

**TIẾT 10,11**

**Hoạt động 1: Khởi động**

HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Ở lớp 8, các em đã học bài viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. Chúng ta hãy cùng nhắc lại một số đơn vị kiến thức của bài này thông qua việc hoàn thành phiếu trả lời nhanh sau đây nhé:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu trả lời nhanh: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do** | |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| Khái niệm |  |
| Yêu cầu |  |
| Quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu trả lời nhanh: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do** | |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| Khái niệm | **Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do thuộc kiểu văn biểu cảm, là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết về một bài thơ tự do.** |
| Yêu cầu | - Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề)  +Thân đoạn: trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích bài thơ.  + Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. |
| Quy trình viết | * Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết   + Xác định mục đích viết và người đọc đoạn văn.  + Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tự do.  + Xác định đề tài  + Thu thập tài liệu  - Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  - Bước 3: Viết  - Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. |

🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**:

*Bài học này các em tiếp tục học cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Chỉ khác văn bản mà các em cảm nhận trong bài học này là bài thơ tám chữ. Vậy việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tám chữ có gì giống và khác với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, một bài thơ tự do? Làm thế nào viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tám chữ thật hay. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay – “Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ”*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là viết* ***đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ?***  *+ Khi viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, người viết cần đảm bảo các yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung về đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ**  **1. Khái niệm**  **Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tám chữ.**  **2. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ**  - Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tám chữ.  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề)  +Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét đặc sắc trong nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích bài thơ.  + Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1:** GV giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ Tựu trường  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản và cách thể hiện cảm xúc của tác giả trong bài thơ:  + Xác định nội dung câu chủ đề, câu kết đoạn của đoạn văn.  + Người viết dùng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm nghĩ? Cảm xúc và suy nghĩ về bài thơ được thể hiện như thế nào trong đoạn văn?  + Đoạn văn đã phân tích (những) nét đặc sắc nào về nghệ thuật của bài thơ?  + Tìm các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn và chỉ ra tác dụng của chúng.  **Bước 2**: HS thực hiện nhiệm vụ:  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3:** HS báo cáo kết quả và thảo luận  +HS trả lời câu hỏi  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4:** Đánh giá, chốt kiến thức: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng. | **3. Phân tích ví dụ về đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ**  Ví dụ: Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ Tựu trường  **\* Bước 1**: Đọc đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ Tựu trường  - Đọc đoạn văn sgk, tr. 26  - Xem cách phân tích, cảm nhận về bài thơ Tựu trường  **\* Bước 2**: **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  **(1) Nội dung câu chủ đề, câu kết đoạn của đoạn văn**  **+** Câu chủ đề: “Lòng tôi chợt bồi hồi, xao xuyến vì gặp lại những cản xúc của thời áo trắng khi đọc bài thơ Tựu trường của nhà thơ Huy Cận”: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ.  + Câu kết đoạn: “Cảm ơn nhà thơ đã giúp ta thêm trân trọng từng giây phút của tuổi hoa niên, giúp ta lưu giữ kí ức đẹp trong hành trình trưởng thành của mỗi người.”: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.  **(2) – Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm nghĩ.**  **- Cảm xúc và suy nghĩ về bài thơ được thể hiện trong đoạn văn:**  **+ Được thể hiện trực tiếp qua các từ ngữ: bồi hồi, xao xuyến, ấn tượng, trân trọng.**  **+ Được thể hiện gián tiếp qua việc phân tích tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ, những không gian, hình ảnh trong bài thơ.**  **(3) Đoạn văn đã phân tích những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: sáng tạo những hình ảnh độc đáo, cụ thể hoá cái vô hình thành cái hữu hình: linh hồn bằng ngọc, tay đời ấm áp, lòng trai thơm ngát**  - Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:  + Phép lặp: Từ “cảm xúc”, “hình ảnh” được lặp lại trong đoạn văn.  + Phép thế: từ “nhà thơ” thay thế cho “Huy Cận”, từ “nhân vật trữ tình” thay thế cho “chàng trai tuổi mười lăm”. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý:**  **Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ tám chữ** | | |
| Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ? |  |
| Xác định chủ đề của bài thơ? |  |
| Tìm một vài nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ (cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ, cách sắp xếp bố cục,...), vai trò của các hình thức nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung bài thơ. |  |
| Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào? |  |
| Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý, viết bài.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + Em đã đọc những bài thơ tám chữ nào? Em có ấn tượng với bài thơ nào nhất?  + GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho đoạn của mình theo nhiều cách: đọc, phân tích, cảm nhận...  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào **Phiếu tìm ý** theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MĐ – TĐ – KĐ   * Hướng dẫn HS viết thành đoạn văn hoàn chỉnh.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **Hướng dẫn quy trình viết và thực hành viết**  **II.Thực hành**  **Đề bài: *Chọn một bài thơ tám chữ mà em yêu thích, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ đó.***   1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**   - Xác định mục đích viết và người đọc đoạn văn:  + Mục đích viết ghi lại cảm nghĩ của bản thân về một bài thơ tám chữ.  + Người đọc: Chủ yếu là thầy, cô, bạn bè  => Lựa chọn cách viết phù hợp  - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ  - Xác định đề tài: Tìm bài thơ đúng thể loại, ví dụ: *Quê hương* (Tế Hanh); *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Chiều xuân, Bến đò đêm trăng* (Anh Thơ),…  - Thu thập tài liệu:  + Tìm đọc các bài thơ tám chữ  + Tìm các thông tin liên quan đến tác giả, bài thơ,...  **2**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS điền vào phiếu tìm ý:**   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ? |  | | Xác định chủ đề của bài thơ? |  | | Tìm một vài nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ (cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ, cách sắp xếp bố cục,...), vai trò của các hình thức nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung bài thơ. |  | | Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào? |  | | Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì? |  |   **- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**  *Mở đoạn*: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.  *Thân đoạn*: Nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ (nội dung, hình thức nghệ thuật)  *Kết đoạn*: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần chú ý đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn. |
| **Nhiệm vụ 2: Rút kinh nghiệm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ tám chữ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **4. Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.  - Đọc lại đoạn văn từ vai người đọc và trả lời hai câu hỏi sau:  + Điều gì của đoạn văn này làm em thích nhất?  + Người viết nên điều chỉnh những gì để đoạn văn hấp dẫn hơn? |
| **BẢNG KIỂM VỀ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiêu chí | | Đạt | Chưa đạt | | Mở đoạn | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng |  |  | | Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ |  |  | | Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và cảm nghĩ chung về bài thơ |  |  | | Thân đoạn | Trình bày cảm xúc về một hoặc vài nét độc đáo của bài thơ |  |  | | Làm rõ tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ |  |  | | Kết đoạn | Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. |  |  | | Dùng dấu câu để kết thúc đoạn văn |  |  | | Diễn đạt | Sử dụng một vài phép liên kết phù hợp |  |  | | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu |  |  | | |

**Ví dụ tham khảo**: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc bài thơ “*Bài ca đêm vượt lộ”* (Anh Ngọc)

**Bài ca đêm vượt lộ**

*Ngồi lại đây trước lúc vượt qua đường*

*Trong ánh chiều một ngày hè sắp tắt*

*Đừng sốt ruột vì đường còn bóng giặc*

*Cứ yên lòng đêm nay ta sẽ qua*

*Hãy nghe chiều nhẹ xuống trong lòng ta*

*Với xao xác bầy chim bay về tổ*

*Trong đáy mắt những người chờ vượt lộ*

*Ngôi sao chiều đã mọc phía quê hương*

*Ngồi lại đây trên cỏ ướt hơi sương*

*Giọt nắng cuối cùng lung linh hình nốt nhạc*

*Nhìn môi bạn gọi thầm lên tiếng hát*

*Một giọng trầm giao cảm dọc hàng quân*

*Đêm râm ran tiếng bọn địch rất gần*

*Vòng tay mở ôm choàng vai bè bạn*

*Giọt mồ hôi cứ se dần thanh thản*

*Đêm dịu dàng nếp trán tỏa bình yên*

*Ngồi lại đây trong nỗi nhớ niềm quên*

*Bao giấc mơ của một thời đánh giặc*

*Chỉ còn lại một giấc mơ duy nhất*

*Những bàn chân bật dậy - vượt qua đường.*

(Anh Ngọc*, Sông núi trên vai, Trường ca,* NXB Phụ nữ, 1995, tr. 24-25)

**1.** **Bước 1: Chuẩn bị**

- Xác định mục đích viết và người đọc đoạn văn:

+ Mục đích viết ghi lại cảm nghĩ của bản thân về bài thơ tám chữ “*Bài ca đêm vượt lộ”* (Anh Ngọc)

+ Người đọc: Chủ yếu là thầy, cô, bạn bè

=> Lựa chọn cách viết phù hợp

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ

- Xác định đề tài: Bài thơ *“Bài ca đêm vượt lộ”* (Anh Ngọc)

- Thu thập tài liệu:

+ Tìm đọc bài thơ *“Bài ca đêm vượt lộ”* (Anh Ngọc)

+ Tìm các thông tin liên quan đến tác giả Anh Ngọc, bài thơ,...

**2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**- Tìm ý: HS điền vào phiếu tìm ý.**

|  |  |
| --- | --- |
| Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ? | **Xúc động, tự hào về hình ảnh người lính khi dõi theo những cuộc hành quân của họ; suy ngẫm về trách nhiệm của mỗi cá nhân với đất nước.** |
| Xác định chủ đề của bài thơ? | **Tâm trạng, cảm xúc của người lính trên chặng đường hành quân. Qua đó, thể hiện lòng yêu nước, bản lĩnh anh hùng của những người lính và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với đất nước.** |
| Tìm một vài nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ (cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ, cách sắp xếp bố cục,...), vai trò của các hình thức nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung bài thơ. | **- Kết cấu của bài thơ: Bài thơ có năm khổ thơ nương theo tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Từ đó, cho chúng ta thấy những cung bậc cảm xúc và tâm hồn đẹp đẽ của người lính trong từng chặng đường.**  **- Nghệ thuật ẩn dụ: *vượt lộ, vượt đường.***  **- Sử dụng từ Hán Việt: *vượt lộ*** |
| Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào? | * **Khâm phục, tự hào về những người lính.** * **Lòng yêu nước.** |
| Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì? | * **Nhớ ơn những người lính** * **Khát vọng cống hiến, hi sinh về đất nước.** |

**- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba đoạn gồm:**

+ **Mở đoạn**: Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ. Dẫn ra khổ thơ, đoạn thơ có nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc mang lại cho em nhiều cảm xúc.

* Giới thiệu tác giả Anh Ngọc và bài thơ “*Bài ca đêm vượt lộ*”.
* Nêu cảm xúc chung của em về bài thơ hoặc một yếu tố nào đó về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.

+ **Thân đoạn**: Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc khiến em yêu thích.

**Ví dụ**:

\* Về nội dung, bài thơ thể hiện t**âm trạng, cảm xúc của người lính trên chặng đường hành quân: trước cuộc hành quân, trên đường hành quân, trong gian khổ chiến tranh ác liệt. Trên tất cả, chúng ta vẫn cảm nhận được một tâm hồn đẹp đẽ, bản lĩnh anh hùng của những người lính. Qua đó, muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp về lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với đất nước.**

\* Về hình thức, bài thơ có kết cấu đặc biệt, bài thơ thiết kế **năm khổ thơ nương theo tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình ở một mốc hành trình cụ thể. Từ đó, cho chúng ta thấy những cung bậc cảm xúc và tâm hồn đẹp đẽ của người lính trong từng chặng đường. Đồng thời, nghệ thuật ẩn dụ: *vượt lộ, vượt đường;* sử dụng từ Hán Việt: *vượt lộ* góp phần làm nên những thành công của bài thơ.**

+ **Kết đoạn**: Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về yếu tố mang lại cảm xúc ấy (**Ví dụ:** Bài thơ giúp em thêm trân trọng sự cống hiến, hi sinh của những người lính, ý thức về trách nhiệm của thế hệ mình đối với đất nước.

**3. Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết thành đoạn văn hoàn chỉnh ghi lại cảm xúc về bài thơ *“Bài ca đêm vượt lộ”* (Anh Ngọc)

**4. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Dựa vào bảng kiểm.

**Đoạn văn tham khảo:**

*“Bài ca đêm vượt lộ”* của nhà thơ Anh Ngọc là áng thơ nhỏ nhắn duyên dáng mà chứa chan những xúc cảm chân thành, mãnh liệt. Đọc bài thơ, tôi cảm thấy thật xúc động, tự hào về hình ảnh người lính với những cung bậc cảm xúc trên chặng đường “vượt lộ” của họ. Những sắc thái cảm xúc trong bài thơ khiến chúng ta thấy họ vừa rất “đời” vừa rất phi thường, bản lĩnh. Kết cấu năm khổ thơ của bài thơ đã nương theo tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình để thể hiện thành công những cung bậc cảm xúc ấy. Trước cuộc hành quân, người lính hồi hộp nhưng vẫn động viên nhau yên lòng, họ hiểu rõ mình lên đường vì bóng giặc vẫn còn, vì đất nước thân yêu. Trên đường hành quân, người lính vẫn tha thiết hướng về quê hương yêu dấu. Trong gian khổ người lính vẫn tràn đầy tình yêu đời với những khúc ca tha thiết. Giữa sự ác liệt của chiến tranh người lính vẫn hạnh phúc trong tình đồng đội. Dù vượt qua bao chặng đường hành quân đầy gian nan, nguy hiểm, tâm hồn người lính vẫn luôn đẹp đẽ, tinh tế, phong phú nhưng cũng đầy mạnh mẽ, quyết tâm; vừa hào hùng vừa hào hoa với “*giấc mơ duy nhất”* là “*những bàn chân bật dậy - vượt qua đường”.* Người lính mang trong mình giấc mơ vượt lộ thành công, cũng là mong nhanh chóng chiến thắng kẻ thù để đất nước được hòa bình, tự do. Tôi còn ấn tượng với việc sử dụng nghệ thuật ẩn dụ, từ Hán Việt để làm cho hành trình vượt lộ của những người lính vừa trang trọng vừa gần gũi, bình dị, đời thường. Bài thơ khiến chúng ta thêm yêu, trân trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh cả thanh xuân của mình cho tổ quốc, từ đó bồi đắp thêm cho chúng ta lòng yêu nước và khát vọng cống hiến, hi sinh vì đất nước.

**C. NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 12 THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận nhóm bàn:** Hãy liệt kê những vấn đề theo em là đáng quan tâm trong đời sống.  Trong 2 phút, nhóm bàn nào liệt kê được nhiều vấn đề phù hợp nhất thì sẽ giành được điểm tốt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi 1 – 2 HS trả lời. * HS khác nhận xét, bổ sung   **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học:  *Việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống giúp chúng ta có được sự thống nhất về quan điểm giữa các thành viên trong nhóm, từ đó đề xuất những giải pháp, ý tưởng có ý nghĩa. Phần bài học này sẽ giúp em hình thành những kĩ năng thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.* | Một số vấn đề đáng quan tâm trong đời sống:  - Cách ứng xử với môi trường xung quanh.  - Cách hành xử phù hợp khi bị bắt nạt  - Cách hành xử khi bị mắc lỗi  - Những điều cần làm để giúp đỡ những người khuyết tật hoà nhập cộng đồng  - Cách hành xử với các bạn có hành vi gian lận trong thi cử  - Biện pháp để hạn chế tình trạng hút thuốc lá trong nhà trường,… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Thực hành nói và nghe**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuẩn bị** | | |
| ***Chủ đề thảo luân:*( đã giao từ tiết trước)**  **+ Nhóm 1, 2:** Thảo luận về “những điều cần làm để góp phần làm cho nơi ta sống trở nên đẹp hơn”  **+ Nhóm 3, 4:** Thảo luận về cách hành xử phù hợp khi bị bắt nạt | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm gồm 6 thành viên, cử nhóm trưởng, thư kí. * Nhóm trưởng phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. * Các nhóm thống nhất mục đích thảo luận nhóm và thời gian thảo luận. * Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi theo bảng:  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 01: Chuẩn bị thảo luận nhóm**  **Đề tài thảo luận:…………..**  I. CÁC Ý KIẾN, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ý kiến của em | Lí lẽ | Bằng chứng | | …….. |  |  | | ……… |  |  |   II. DỰ KIẾN CÁC Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VÀ Ý KIẾN PHẢN HỒI   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ý kiến của em | Lí lẽ | Bằng chứng | | …….. |  |  | | ……… |  |  | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng, cử thư kí.  -Chuẩn bị nội dung thảo luận: HS tìm hiểu kĩ vấn đề, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm của mình. (tự hoàn thành PHT 01)  - Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận: Mục đích buổi thảo luận là gì? Thời gian dự kiến bao lâu? Nhóm em có những ý kiến gì? Chuẩn bị lí lẽ thế nào để bảo vệ nhóm mình và bác bỏ ý kiến của nhóm bạn?  **B3: Báo cáo kết quả**  HS báo cáo kết quả thảo luận vào tiết thảo luận.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét quá trình chuẩn bị của HS cho tiết thảo luận. | 1. **Chuẩn bị**   - Thành lập nhóm, bầu nhóm trưởng và thư kí.  - Xác định một số đề tài mà nhóm quan tâm (có thể làm từ tiết trước và chọn vấn đề thảo luận đã được giao)  -Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận: (theo PHT 01): HS tìm hiểu kĩ vấn đề, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 2: Thảo luận** | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói và nghe cho HS: Biết trình bày ý kiến của mình, lắng nghe ý kiến của người khác và biết bảo vệ ý kiến của mình.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS thảo luận nhóm theo chủ đề đã phân công | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày. Thư kí ghi chép tổng hợp các ý kiến. Cần đảm bảo mỗi thành viên đều chuẩn bị dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.  - Trong quá trình thảo luận, HS sử dụng PHT sau để theo dõi quá trình thảo luận của bạn, có những ý kiến riêng của bản thân và đưa ra được ý kiến thống nhất của nhóm:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 02:**  **Thảo luận về “những điều cần làm để góp phần làm cho nơi ta sống trở nên đẹp hơn”**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của các bạn** | **Lí lẽ và bằng chứng** | **Trao đổi của tôi** | | Ý kiến 1:… | ......  ...... | .....  ..... | | Ý kiến 2:…. | .....  ..... | .....  ..... | | => Kết luận của nhóm về vấn đề: ......................................... | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 03:**  **Thảo luận về cách hành xử phù hợp khi bị bắt nạt**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của các bạn** | **Lí lẽ và bằng chứng** | **Trao đổi của tôi** | | Ý kiến 1:… | ......  ...... | .....  ..... | | Ý kiến 2:…. | .....  ..... | .....  ..... | | => Kết luận của nhóm về vấn đề: ......................................... | | | |   - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận của cả nhóm dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy,...và trình bày sản phẩm đó trước lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.  **B3: Báo cáo kết quả**  Nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận (ý kiến thống nhất của nhóm) kèm theo sản phẩm học tập (đoạn văn, sơ đồ tư duy,...)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  HS đánh giá HS qua sản phẩm học tập chung của nhóm và qua việc thu PHT 01, 02, 03 của HS. Việc đánh giá được thực hiện theo các tiêu chí trong bảng kiểm dưới đây | - HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu:  + HS trình bày ý kiến  + HS lắng nghe ý kiến  + HS phản hồi ý kiến  + HS thống nhất ý kiến |

|  |
| --- |
| **Bước 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm** |
| **Mục tiêu:**  - HS suy ngẫm về cuộc thảo luận.  - HS rút kinh nghiệm sau cuộc thảo luận.  **Nội dung:**  - Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân:  + Ghi lại những điều nhóm đã làm tốt và chưa tốt  + Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách trình bày ý kiến, cách thảo luận, tranh luận. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bảng kiểm thảo luận về một vấn đề đời sống** | | |
| Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
| Thể hiện ý kiến trực tiếp, rõ ràng về vấn đề cần thảo luận |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí |  |  |
| Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác |  |  |
| Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng |  |  |
| Tôn trọng các ý kiến khác biệt |  |  |

**Một số ý kiến tham khảo về các vấn đề nhóm đã thảo luận trong tiết học:**

**\*Vấn đề 1: Những điều cần làm để góp phần làm cho nơi ta sống trở nên đẹp hơn**

- Thực hiện những hành động bảo vệ môi trường: Môi trường sống có vai trò rất quan trong đối với cuộc sống của mỗi chúng ta nhưng hiện nay môi trường sống đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Vì vậy, để bảo vệ sức khoẻ của chúng ta, việc bảo vệ môi trường là vai trò quan trọng và nhiệm vụ hàng đầu. Chúng ta có thể thực hiện bảo vệ môi trường bằng các hành động cụ thể: không vứt rác bừa bãi, trồng nhiều cây xanh, tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường đến mọi người,…

**-** Xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp nơi quê hương mình sinh sống: Bên cạnh việc bảo vệ môi trường sống thì việc tạo dựng những mối quan hệ tốt đẹp, con người quan tâm, chia sẻ lẫn nhau tại nơi mình sinh sống cũng là một việc làm cần thiết. Việc này sẽ tạo ra môi trường sống lành mạnh, giàu tính nhân văn, từ đó góp phần bồi dưỡng nhân cách trong mỗi con người.

**-** Tham gia các hoạt động tập thể: Điều này vừa tăng tính đoàn kết vừa góp phần thể hiện trách nhiệm của mình với cuộc sống tập thể. Các hoạt động tập thể như phong trào văn nghệ, dọn dẹp vệ sinh nơi ở, phong trào từ thiện…góp phần xây dựng nơi mình ở lành mạnh và phát triển hơn.

- Có những quy định cụ thể về nếp sống để mọi người cùng thực hiện, từ đó thúc đẩy trách nhiệm của mọi người trong việc xây dựng nếp sống văn hoá của khu dân cư,…

**\* Vấn đề 2: Thảo luận về cách hành xử phù hợp khi bị bắt nạt**

**-** Bình tĩnh để hiểu nguyên nhân mình bị bắt nạt và nắm được đối tượng bắt nạt: Có rất nhiều nguyên nhân gây ra tình trạng bạo lực học đường. Có thể do yếu tố chủ quan hoặc khách quan. Vì vậy, việc tìm hiểu nguyên nhân cũng là một cách để tháo gỡ vấn đề. Còn về đối tượng bắt nạt. Nếu chúng ta hiểu rõ về người đang bắt nạt chúng ta là ai, họ là người như thế nào thì việc giải quyết vấn đề đối với người bị bắt nạt sẽ trở nên dễ dàng hơn.

- Chia sẻ với một người mà mình tin tưởng về vấn đề mình đang gặp phải. Điều này vừa giúp mình vững hơn về tinh thần vừa có thể tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề. Thường những bạn bị bắt nạt do bị đe doạ hoặc nhiều nguyên nhân khác mà không dám nói ra nhưng các bạn phải ý thức được việc giữ “bí mật” chuyện này có thể khiến sự việc nghiêm trọng và gây ra những hậu quả đáng tiếc.

- Luôn báo cho người mình tin tưởng việc mình đang đi đâu và làm gì. Đây không phải là việc làm cho mình bị kiểm soát mà là việc làm để bảo vệ an toàn cho mình trong giai đoạn mình đang bị bắt nạt. Điều này có thể ngăn cản được một số hậu quả đáng tiếc sẽ xảy ra.

- Tìm kiếm dấu hiệu trợ giúp khi có dấu hiệu bị bắt nạt. Có thể thực hiện hành động hét to hoặc cầu cứu người lớn khi mình có dấu hiệu bị bắt nạt.

- Tự rèn luyện các kĩ năng để tự bảo vệ bản thân. Chẳng hạn học võ, dùng các dấu hiệu khẩn cấp để liên lạc với người thân khi cần thiết

**Tiết 13 ÔN TẬP**

**\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Ôn tập** (Trang 30/SGK CTST, tập 1).

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Ôn tập

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

**THẢO LUẬN THEO CẶP:**

**+** Các cặpthảo luận, trả lời ra phiếu học tập: Câu 1, 2, 3, 4, 7

+ Cá nhân tự trả lờicâu 5, 6

**Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**

**Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chuẩn kiến thức.**

**Câu 1:** Kết cấu của bài thơ được thể hiện ở những phương diện:

**-** Sự chọn lựa thể thơ

- Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.

- Sự triển khai mạch cảm xúc

- Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ…

**Câu 2**: Hoàn thành bảng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *Quê hương* | *Bếp lửa* | *Mùa xuân nho nhỏ* |
| Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu | Hình ảnh dân chài, chiếc thuyền, quê hương | Hình ảnh bếp lửa, người bà, chiến tranh, tiếng chim tu hú | Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên (dòng sông xanh, hoa tím biếc), của đất nước (lộc dắt đầy trên lưng..)… |
| Biện pháp tu từ chủ yếu | So sánh, nhân hoá, ẩn dụ | Điệp từ, điệp ngữ, từ láy | Điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ |
| Cách gieo vần | Vần liền: sông – hồng; cá – mã; giang – làng; trắng – nắng; xăm – nằm. | Vần liền: khói – mỏi, xa – bà, thế - về, học – nhọc, rụi – lụi, bùi - vui | Vần liền: trời – rơi, mạ - hả, lao – sao, hoa – ca, bình – minh – tình. |
| Chủ đề | Bài thơ thể hiện lòng yêu mến, tình thương nhớ quê hương của người con đang xa cách quê hương. | Qua hồi tưởng cùng suy ngẫm của người cháu khi đã trưởng thành, bài *Bếp lửa* gợi về những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời cũng thể hiện lòng kính yêu trân trọng và sự biết ơn của người cháu dành cho bà cũng như với gia đình, quê hương, đất nước | Từ cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, bài thơ đã thể hiện tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước; góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. |
| Cảm hứng chủ đạo | Cảm hứng yêu quý, gắn bó, thương nhớ quê hương làng chài trong tâm tưởng. | Cảm hứng yêu thương, trân trọng, biết ơn đối với người bà, từ đó thể hiện tình yêu quê hương, đất nước. | Cảm hứng yêu thiên nhiên, đất nước và tự hào về đất nước. |

**Câu 3:** Viết một câu có sử dụng biện pháp chơi chữ và nêu tác dụng của biện pháp chơi chữ này:

Chẳng hạn:Bữa ăn này chúng mình “cam pu chia” nhé!

-> “Cam pu chia” là sử dụng lối nói gần âm, ý muốn nói chia đều (về việc thanh toán) tạo ra ý nghĩa thú vị, đồng thời thể hiện sự thoải mái trong mối quan hệ bạn bè.

**Câu 4:** Những yếu tố làm nên sự hài hoà về âm thanh trong hai dòng thơ:

+ Câu thơ thứ nhất toàn thanh bằng, câu thơ thứ hai có sự xen lẫn thanh bằng, trắc của các tiếng trong câu thơ.

+ Điệp vần “an”, “ương”, “ăng”

* Tạo nhạc tính và tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.

**Câu 5:** Trải nghiệm thú vị nhất khi làm một bài thơ tám chữ:

- Thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân dưới hình thức đặc biệt là thơ.

- Cùng một trạng thái, cảm xúc có thể tìm nhiều từ ngữ, hình ảnh thể hiện khác nhau.

- Vận dụng được các biện pháp tu từ, cách gieo vần, ngắt nhịp một cách linh hoạt, sáng tạo.

**Câu 6:** Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ có đặc điểm về nội dung và hình thức là:

* Hình thức: Đoạn văn.
* Nội dung: Cảm nghĩ về một vài nét độc đáo trong nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ.

**Câu 7:** Những điều nên làm hoặc nên tránh khi thảo luận nhóm về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống:

* Những điều nên làm:

+ Tìm hiểu, thu thập tài liệu liên quan đến vấn đề thảo luận.

+ Biết bảo vệ ý kiến của mình dựa trên những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Biết lắng nghe, tôn trọng những ý kiến khác biệt.

+ Đưa ra được quan điểm chung sau khi đã thảo luận, thống nhất.

* Những điều nên tránh:

+ Bảo thủ, công kích cá nhân.

+ Ngắt lời khi bạn đang nói.

+ Áp đặt suy nghĩ của mình lên người khác.

+ Thu thập những nguồn tài liệu không đáng tin cậy.

**Câu 8:** Để thể hiện tình yêu quê hương, chúng ta cần:

- Biết ơn, gắn bó nơi ta sinh ra và lớn lên.

- Có những hành động thiết thực bảo vệ và xây dựng quê hương: bảo vệ môi trường, đoàn kết tình làng nghĩa xóm.

- Học tập tốt, tu dưỡng đạo đức để trở thành công dân tốt, góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh.

**\* Nhiệm vụ 2: Viết**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập:** Hãy chọn một bài thơ tám chữ mà em yêu thích và viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc kĩ đề bài, lập dàn ý, về nhà hoàn thiện đoạn văn.

- GV hướng dẫn HS cách làm; quan sát và động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**\*Nhiệm vụ 3: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bảng sau (về nhà):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ***Quê hương* (Tế Hanh)** |  |  |
| ***Bếp lửa* (Bằng Việt)** |  |  |
| ***Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)** |  |  |

- HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

- Báo cáo sản phẩm.

- Nhận xét và chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Bài tập:** DẠY HỌC DỰ ÁN:

**GV chia lớp thành 4 nhóm với các nhiệm vụ sau: Tổ chức cuộc thi “Em yêu quê hương”**

**- Nhóm 1:** Làm video giới thiệu về một nghề truyền thống ở quê hương em.

**- Nhóm 2:** Làm video giới thiệu về một di tích lịch sử, văn hoá ở quê hương em.

- **Nhóm 3:** Làm video giới thiệu về các tác phẩm văn học (hoặc văn hoá dân gian) ở quê hương em.

- **Nhóm 4:** Làm video giới thiệu về một lễ hội ở quê hương em.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần (Mỗi nhóm 1 sản phẩm)

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

1. Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các tác phẩm của cùng tác giả.

2. Hệ thống hoá kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.

**3. Chuẩn bị bài 2: *Giá trị của văn chương* (Văn bản nghị luận).**

**H. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

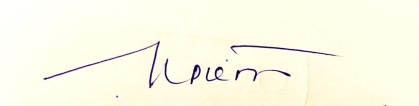
- Sách giáo khoa Ngữ văn 9, *Chân trời sáng tạo*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung các modul được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**TỔ DUYỆT NGƯỜI DẠY**

****

**Mạnh Thị Thúy Diễm**